ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ TRIỂN

BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

***Chuyên ngành*: Luật dân sự**
***Mã số*: 60 38 30**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

***Cán bộ hướng dẫn khoa học*: TS Nguyễn Thị Quế Anh**

HÀ NỘI - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Nguyễn Thị Triển

MỤC LỤC

Trang phụ bìa
Lời cam đoan
Mục lục
Danh mục các từ viết tắt
MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Mục tiêu nghiên cứu 2
3. Tính mới và những đóng góp của đề tài 3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4
5. Nội dung, tình hình và phương pháp nghiên cứu 4
Chương 1: **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN** 7
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ 7
1.1.1. Khái niệm quyền tác giả 7
1.1.2. Điều kiện bảo hộ quyền tác giả 9
1.1.3. Nội dung quyền tác giả 11
1.2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 14
1.2.1. Lịch sử phát triển của tác phẩm văn học dân gian 14
1.2.2. Khái niệm tác phẩm văn học dân gian 16
1.2.3. Các đặc trưng cơ bản của quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian 19
1.2.4. Mục đích bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian trên thế giới 22
1.3. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 26

1.3.1. Trước khi có Bộ luật Dân sự 2005 ban hành 26
1.3.2. Sau khi Bộ luật Dân sự 2005 ban hành 29
1.4. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 33
***Chương 2*: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG** 47
2.1. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH 48
2.2. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 49
2.3. TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN - ĐỐI TƯỢNG BẢO HỘ 51
2.4. XÁC LẬP QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 52
2.5. NỘI DUNG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH 53
2.6. XÁC ĐỊNH HÀNH VI XÂM PHẠM 55
2.7. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 56
2.7.1. Biện pháp hành chính 56
2.7.2. Biện pháp dân sự 57
2.7.3. Biện pháp hình sự 59
2.7.4. Biện pháp kiểm soát biên giới 59
2.8. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM 60

Chương 3: **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ** 67
3.1. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 67
3.1.1. Một số vấn đề cần lưu ý khi xem xét việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian 67
3.1.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian 69
3.2. CÁC KIẾN NGHỊ CHỦ YẾU ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 73
3.2.1. Nâng cao năng lực kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian 73
3.2.2. Nâng cao ý thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng 73
3.2.3. Nâng cao năng lực xét xử của Tòa án trong giải quyết tranh chấp và xét xử các vụ án hình sự về xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian 74
3.2.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo hộ và bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian 76
3.2.5. Thắt chặt cơ chế kiểm soát biên giới và mạng Internet trong lĩnh vực quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian 76
KẾT LUẬN 79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	:	Bộ luật Dân sự
SHTT	:	Sở hữu trí tuệ
VHDG	:	Văn học dân gian
QTG	:	Quyền tác giả

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, trải qua quá trình lao động, chiến đấu, xây dựng bảo vệ đất nước, nhân dân ta đã sáng tạo nên những giá trị vật chất và tinh thần to lớn, đáng tự hào. Nền văn học Việt Nam là một trong những bằng chứng tiêu biểu cho năng lực sáng tạo tinh thần ấy. Văn học Việt Nam bao gồm các sáng tác ngôn từ với hai bộ phận lớn có quan hệ mật thiết với nhau, đó là văn học dân gian và văn học viết. Tác phẩm văn học dân gian VHDG) là nền tảng của văn học viết, là chặng đầu của nền văn học dân tộc. Những giá trị mà các tác phẩm văn học dân gian mang đến cho nhân loại là rất to lớn và toàn diện (Sinh hoạt, giải trí, sản xuất kinh doanh và học tập, nghiên cứu khoa học, quản lý nhà nước..)

Những giá trị về tinh thần cũng như lợi ích kinh tế mà việc bảo hộ mang lại cho các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả của các tác phẩm văn học dân gian hết sức cần thiết và quan trọng. Nếu cơ chế bảo hộ quyền tác giả thực hiện tốt thì sẽ khuyến khích sự sáng tạo và phát triển của tác giả, chủ sở hữu các tác phẩm văn học nói chung, đồng thời bảo tồn, phát huy những giá trị, nét tinh hoa văn hóa của tác phẩm văn học dân gian mang lại, nhằm góp phần làm cho các tác phẩm văn học trở nên phong phú và đa dạng hơn. Ngược lại, nếu không được ghi nhận xứng đáng sẽ là rào cản hạn chế động lực nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng các tác phẩm văn học dân gian vào trong các quá trình sinh hoạt, giải trí, sản xuất kinh doanh, học tập, nghiên cứu khoa học.

Ở Việt Nam quyền tác giả (QTG) đã được ghi nhận lần đầu tiên tại Nghị định 142/HĐBT ngày 14/11/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về bảo hộ quyền tác giả và đến nay đã có hàng loạt văn bản đã được ban hành gồm Luật,

các văn bản hướng dẫn thi hành và Hiệp định, Công ước quốc tế tham gia ký kết đảm bảo thi hành quyền tác giả nhưng đối với tác phẩm văn học dân gian vẫn còn những bất cập cần tiếp tục hoàn thiện. Mặc dù trong các cuộc họp thảo luận về dự thảo luật đã được các đại biểu quốc hội đưa ra và bàn luận rất nhiều nhưng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ 2009 thì vấn đề bất cập, mang tính thời sự về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian không được đề cập đến.

Bên cạnh đó thì nhận thức của người dân về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng vẫn còn thấp. Việc tuân thủ và thi hành pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian vẫn chưa thực sự đi vào đời sống xã hội của mọi người dân. Thêm vào đó chúng ta còn chưa quen với việc trả một khoản chi phí cho những người có công sưu tầm, nghiên cứu, lưu giữ các tác phẩm văn học dân gian ngoài người bán các sản phẩm này.

Nhưng trên hết, vấn đề ở đây không phải là bất cập của hệ thống luật và cũng không phải là ý thức của người dân mà theo quan điểm của cá nhân đó là sự bất hợp lý giữa thu nhập của người dân và mức phí phải trả cho quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian là vấn đề nan giải.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn: **"Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian theo pháp luật Việt Nam**" để làm đề tài luận văn cao học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đề tài tập trung làm sáng tỏ các luận cứ khoa học về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Qua đó nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, xây dựng và kiến nghị một

số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế bảo hộ đối với tác phẩm văn học dân gian và nâng cao vai trò của việc sử dụng hợp pháp và hiệu quả về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian ở Việt Nam hiện nay.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu tổng quát trên, đề tài tập trung nghiên cứu những mục tiêu cụ thể sau:

+ Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian.

+ Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy cần phân tích, đánh giá toàn diện về thực trạng hoạt động bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian trong thời đại phát triển công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật số hiện nay trên cơ sở đó so sánh, tham khảo pháp luật quốc tế và luật một số nước phát triển mạnh về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Đồng thời tìm ra những hạn chế, bất cập cần phải khắc phục trong các quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian hiện nay ở Việt Nam.

+ Đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện vào hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả nói chung và bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng. Đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

3. Tính mới và những đóng góp của đề tài

+ Phân tích tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian.

+ Phân tích những đặc điểm của chế độ pháp lý đối với tác phẩm văn học dân gian.

+ Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian.

+ Đưa ra và luận giải một số quan điểm cơ bản về tình trạng vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian hiện nay ở nước ta.

+ Qua việc nghiên cứu, phân tích những khó khăn, cách nhìn nhận của việc sử dụng quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian ở nước ta, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm văn học dân gian trong nghiên cứu, học tập, sinh hoạt, sản xuất kinh doanh…

+ Có cái nhìn mới về việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Góp phần bảo vệ, chống vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian ở nước ta. Tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân, các nhà nghiên cứu sưu tầm và phát hiện các loại hình nghệ thuật văn học dân gian đang lưu truyền trong nhân dân nhằm bảo tồn, phát triển chúng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ 2005, quyền tác giả là một quyền rộng bao gồm nhiều đối tượng trong các lĩnh vực như: văn học, nghệ thuật, khoa học…Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của đề tài này chỉ tập trung việc phân tích, làm rõ quy định của quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian theo pháp luật Việt Nam.

5. Nội dung, tình hình và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu

+ Dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

+ Các phương pháp cụ thể: phân tích, so sánh, thống kê, tổng hợp.

5.2. Tình hình nghiên cứu

Đã có rất nhiều bài viết liên quan đến quyền tác giả nhưng mới chỉ ở mức độ bài báo cung cấp thông tin. Một số luận văn thạc sĩ liên quan đến quyền tác giả như: Một số vấn đề về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự Việt Nam của Kiều Thanh, Trường Đại học Luật Hà nội, 1999, Hoàn thiện pháp luật

về bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay, của Hoàng Minh Thái, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2001; Pháp luật về quyền tác giả trong quá trình hội nhập quốc tế ở Việt nam, của Bùi Lan phương, khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, Bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam với việc Việt Nam gia nhập công ước Berne, của Ngô Ngọc Phương, khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006; Công ước Berne và việc thực hiện trong lĩnh vực xuất bản ở Việt Nam, của Phạm Thị Hương Giang, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008…

Tuy đã có các bài báo, các cuộc hội thảo bàn về những vấn đề bất cập trong Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan có đề cấp đến tác phẩm văn học dân gian nhưng hiện chưa có một đề tài nghiên cứu cụ thể về vấn đề này. Và đặc biệt hơn là tỉnh Thừa Thiên Huế đến nay vẫn còn giữ được sức sống, và còn tiếp tục hoà nhập vào cuộc sống mới, như một tổng kết của tiền nhân, trao truyền lại cho các thế hệ mai sau. Là một di sản văn hoá của dân gian, một kho tàng trí tuệ độc đáo, một gia tài văn hoá cộng đồng, đã trải qua nhiều thử thách của năm tháng. Người ta có thể tìm thấy được ca dao, tục ngữ từ những câu hát ru con, những câu hò trên sông nước, thường nghe được ở Huế và các vùng phụ cận. Bao nhiêu tinh hoa của nhiều thế kỷ đã hội tụ về miền sông Hương, núi Ngự, để tạo nên một vùng đất văn hoá vô cùng đặc sắc. Vì thế, qua ca dao, tục ngữ, thơ…người ta có thể thấy được ba yếu tố: Thiên Nhiên, Kiến Trúc, và Con Người Huế, đã hoà quyện với nhau, nuôi dưỡng nhau, để Huế trở nên một vùng đất của Thơ, bầu trời của Nhạc, và thế giới của Tâm Hồn.

Để nghiên cứu một cách có hệ thống các chính sách, quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian ở nước ta hiện nay, nhất là từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại thế giới là điều cần thiết góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Sở hữu trí tuệ nói chung và pháp luật bảo hộ quyền tác giả, mà cụ thể là quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng.

5.3. Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian.

Chương 2: Những quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian và nâng cao hiệu quả thực thi.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ

1.1.1. Khái niệm quyền tác giả

Quyền tác giả, theo tiếng Anh thực chất là quyền sao chép, vì từ "coppyright" được ghép từ "coppy" (sao chép) và "right" (quyền) [13].

Quyền tác giả là độc quyền của một tác giả cho tác phẩm của người này. Quyền tác giả được dùng để bảo vệ các sáng tạo tinh thần có tính chất văn hóa (cũng còn được gọi là tác phẩm) không bị vi phạm bản quyền, thí dụ như các bài viết về khoa học hay văn học, sáng tác nhạc, ghi âm, tranh vẽ, hình chụp, phim và các chương trình truyền thanh. Quyền này bảo vệ các quyền lợi cá nhân và lợi ích kinh tế của tác giả trong mối liên quan với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Quyền tác giả không cần phải đăng ký và thuộc về tác giả khi một tác phẩm được ghi, giữ lại ít nhất là một lần trên một phương tiện lưu trữ. Quyền tác giả thông thường chỉ được công nhận khi sáng tạo này của tác giả trực tiếp sáng tạo ra và có thể chỉ ra được là có tính chất duy nhất.

Ở mỗi quốc gia, pháp luật về quyền tác giả trao cho tác giả, chẳng hạn nhạc sỹ, nhà văn công bố tiểu thuyết, người viết phần mềm, nhà thiết kế trang web và các tác giả sáng tạo khác sự bảo hộ pháp lý. Đối với các sáng tạo văn học và nghệ thuật của họ, thường được gọi là "tác phẩm". Pháp luật về quyền tác giả trao cho tác giả của tác phẩm một nhóm độc quyền đối với tác phẩm của họ trong một thời hạn nhất định. Những quyền này cho phép tác giả kiểm soát việc sử dụng tác phẩm của mình theo nhiều cách khác nhau và nhận được tiền thù lao khi có người sử dụng tác phẩm của mình. Hơn nữa, pháp luật về

quyền tác giả cũng trao cho tác giả "quyền nhân thân" nhằm bảo vệ danh tiếng của tác giả và sự toàn vẹn của tác phẩm. Ngoài ra, đối với mỗi hình thức tác phẩm khác nhau thì có thời hạn bảo hộ khác nhau, tùy thuộc vào quy định của mỗi quốc gia. Công ước Berne cho phép tác giả được hưởng quyền tài sản suốt đời cộng thêm tối thiểu 50 năm sau đó. Tuy nhiên, các quốc gia tuân thủ Công ước Berne được phép nâng thời hạn hưởng tác quyền dài hơn.

Bộ Luật Dân sự 2005 không có quy định thế nào là quyền tác giả và quyền liên quan. Lần đầu tiên Luật Sở hữu trí tuệ 2005 có quy định về khái niệm quyền tác giả và có trong các văn bản pháp luật hướng dẫn về Luật Sở hữu trí tuệ như Nghị Định 100/ /2006/NĐ-CP (Nghị định 85/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định Nghị định 100) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.

Như vậy, hiểu một cách đơn giản quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo hoặc sở hữu, bao gồm các quyền nhân thân và quyền tài sản (Điều 19 và Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ 2005). Đối tượng được bảo hộ quyền tác giả là các tác phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật. Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định các loại hình tác phẩm được bảo hộ bao gồm: tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và các tác phẩm khác, bài giảng, bài phát biểu, bài nói khác, tác phẩm báo chí, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu, tác phẩm điện ảnh, tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm kiến trúc, tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian,...Về mặt pháp lý, quyền tác giả là tổng hợp các quy phạm quy định điều chỉnh quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học [15].

1.1.2. Điều kiện bảo hộ quyền tác giả

Tại khoản 7 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 định nghĩa tác phẩm như sau: "*Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình tức nào*"[27]. Do vậy tác phẩm phải là những sáng tạo tinh thần của tác giả trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện dưới một phương tiện hay hình thức nhất định. Các tác phẩm để được bảo hộ quyền tác giả phải đáp ứng các yếu tố sau:

Thứ nhất, tác phẩm phải là thành quả của quá trình lao động trí tuệ mang tính chất sáng tạo và chủ thể của hoạt động sáng tạo này là các tác giả thông qua quá trình lao động trí óc, kinh nghiệm và yếu tố hỗ trợ khác.Vì vậy, tác phẩm hết sức phong phú và đa dạng, chứa đựng những giá trị tinh thần và giá trị kinh tế, công chúng đón nhận được nội dung tư tưởng, tình cảm nhất định.

Thứ hai, tác phẩm được bảo hộ phải đảm bảo tính nguyên gốc, tức là phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ bất kỳ một tác phẩm nào khác. Mỗi quốc gia, ý nghĩa chính xác về tính nguyên gốc là khác nhau trong pháp luật về quyền tác giả. Việc xác định tác phẩm "gốc" trong từng lĩnh vực khoa học, văn học, nghệ thuật dựa trên căn cứ thể hiện quá trình lao động sáng tạo của tác giả, những "chất riêng" do tác giả sáng tạo ra. Thực tế, có những trường hợp sao chép, mà tác phẩm gốc và tác phẩm sao chép tương tự nhau hoặc giống nhau song người bình thường không thể nhìn thấy được Ví dụ, rất nhiều các tác phẩm âm nhạc trong và ngoài nước bị "ăn cắp", những bức tranh nổi tiếng của danh họa Picasso luôn là đối tượng của những kẻ chuyên sao chép và làm giả tranh, tuy nhiên những bức tranh "giả" đó sẽ không được bảo hộ, bởi nó không tuân thủ tính nguyên gốc và không thể hiện sự sáng tạo một cách độc lập. Nhưng cùng một ý tưởng về tình yêu mỗi người lại thể hiện dưới một hình thức khác nhau như bài thơ Đợi anh về của Konstantin Simonov, bài hát Ca dao em và tôi của nhạc sĩ An

Thuyên thì những tác phẩm này được bảo hộ như nhau. Nói cách khác, một tác phẩm muốn được bảo hộ phải do chính lao động trí óc của tác giả tạo ra.

Mặc dù đã có tiêu chí xác định tác phẩm mang tính nguyên gốc nhưng khi có tranh chấp, tác giả phải chứng minh tác phẩm được sáng tạo độc lập hoặc nếu có sử dụng tác phẩm của người khác thì phải chỉ rõ phần sử dụng này để có thể xác định tính nguyên gốc của tác phẩm của mình và bảo đảm quyền của tác giả khác.

Thứ ba, tác phẩm chỉ được bảo hộ hình thức thể hiện như dưới dạng văn bản hay vật thể, chứ không bảo hộ nội dung ý tưởng. Hình thức thể hiện bằng văn bản rất đa dạng tùy thuộc vào loại hình tác phẩm như tác phẩm văn học (thơ, tiểu thuyết, truyện...), tác phẩm nghệ thuật (tranh, ảnh, thư pháp...). Cũng như tác phẩm còn được thể hiện dưới dạng vật thể, nghĩa là dưới dạng hình khối nhất định. Điều 379, khoản 1 Bộ luật Dân sự và Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định quyền tác giả phát sinh từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa.

Bên cạnh đó, tác phẩm còn được thể hiện dưới dạng vật thể, nhưng đa số các loại hình tác phẩm trên đều được sử dụng trong hoạt động xuất bản. Tuy nhiên, để đảm bảo an ninh và ổn định chính trị cũng như lợi ích chung của cộng đồng, nhà nước không bảo hộ những tác phẩm có nội dung: chống lại nhà nước, phá hoại đoàn kết toàn dân, tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược; truyền bá tư tưởng văn hóa phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mĩ tục; tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, đời tư của công dân và bí mật khác do pháp luật quy định; Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín, danh

dự và nhân phẩm của công dân. Những tác phẩm có nội dung đó không được nhà nước bảo hộ và cũng không được sử dụng để xuất bản dưới bất kỳ hình thức xuất bản nào.

Ngoài ra, Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật quy định điều kiện để một tác phẩm được bảo hộ phải đảm bảo được định hình dưới một hình thức nhất định. Điều 3 Công ước cũng quy định rõ các nước thành viên tham gia nếu theo luật pháp nước mình quy định "*coi sự tuân thủ các thủ tục như lưu chiếu, đăng kí, thông báo như là một điều kiện để một tác phẩm được bảo hộ thì cũng phải coi đây là một điều kiện bảo hộ theo Công ước*" [11]. Các tác phẩm được bảo hộ không phụ thuộc vào việc công bố hoặc chưa công bố nếu như quốc gia có tác phẩm đó là thành viên của Công ước. Nếu là công dân hay cư dân của một nước là thành viên Công ước Berne, hoặc đã công bố tác phẩm của tại một trong số các nước thành viên của Công ước, thì tác phẩm sẽ tự động được hưởng sự bảo hộ quyền tác giả theo quy định trong Công ước Berne ở tất cả các nước thành viên còn lại của Công ước này. Ngoài ra, tác phẩm cũng sẽ được bảo hộ ở các nước thành viên khác giống như các nước đó bảo hộ các tác phẩm của công dân nước mình. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc bảo hộ quyền tác giả có tính chất lãnh thổ. Tác phẩm chỉ được hưởng sự bảo hộ quyền tác giả nếu đáp ứng được các tiêu chuẩn pháp lý được quy định bởi pháp luật về quyền tác giả của nước muốn bảo hộ tác phẩm của mình. Vì vậy, mỗi nước có hệ thống bảo hộ quyền tác giả riêng biệt, dựa trên một hay nhiều đạo luật quy định.

1.1.3. Nội dung quyền tác giả

Theo quy định tại Điều 2 Công ước Berne về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, các đối tượng được bảo hộ bởi Công ước bao gồm "tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, bất kỳ được biểu hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào, chẳng hạn

như sách, sách pample và các bài viết khác, các bài giảng, bài phát biểu, bài thuyết giáo và các tác phẩm khác cùng chủng loại; các tác phẩm kịch, hay nhạc kịch, các tác phẩm hoạt cảnh và kịch câm, các bản nhạc có lời hay không lời, các tác phẩm điện ảnh trong đó có các tác phẩm tương đồng được thể hiện bằng một quy trình tương tự quy trình điện ảnh, các tác phẩm đồ họa, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, bản khắc, thạch bản; các tác phẩm nhiếp ảnh trong đó có các tác phẩm tương đồng được thể hiện bằng một quy trình tương tự quy trình nhiếp ảnh; các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, minh họa, địa đồ, đồ án, phác họa và các tác phẩm thể hiện không gian ba chiều liên quan đến địa lý, địa hình, kiến trúc hay khoa học" [11]. Nội dung quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản, nằm đan xen ở các quy định của Công ước. Theo Điều 6 của Công ước quyền nhân thân độc lập với quyền kinh tế của tác giả và cả sau khi quyền này đã được chuyển nhượng, tác giả vẫn giữ nguyên quyền được đòi thừa nhận mình là tác giả của tác phẩm và phản đối bất kỳ sự xuyên tạc, cắt xén hay sửa đổi hoặc những vi phạm khác đối với tác phẩm có thể làm phương hại đến danh dự và tiếng tăm tác giả. Việc quy định những quyền trên phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia thành viên.

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 quy định nội dung của quyền tác giả đối với tác phẩm bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Việc xác định rõ nội dung quyền tác giả có ý nghĩa rất quan trọng bảo đảm cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả biết được mình có một số hay tất cả các quyền tài sản và quyền nhân thân quy định trong Điều 19 và Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Quyền nhân thân bao gồm quyền nhân thân gắn với tài sản và quyền nhân thân không gắn với tài sản. Quyền nhân thân không gắn với tài sản (Quyền nhân thân không thể chuyển giao) là những quyền gắn liền với giá trị nhân thân của tác giả không thể chuyển giao, gồm các quyền: quyền đặt tên tác phẩm, quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm và bảo vệ sự toàn

vẹn nội dung tác phẩm. Quyền này gắn liền với tác giả kể cả khi quyền sử dụng, định đoạt tác phẩm đã được chuyển giao, nó được bảo hộ vô thời hạn. Quyền nhân thân gắn với tài sản (có thể chuyển giao) là các quyền cho hay không cho người khác công bố tác phẩm, quyền này có thể chuyển giao và gắn liền với các chế định về quyền tài sản trong quyền tác giả.

Đối với quyền tài sản, theo điều 20 Luật sở hữu trí tuệ 2005, quyền tài sản bao gồm quyền làm tác phẩm phái sinh, biểu diễn tác phẩm trước công chúng, sao chép tác phẩm, phân phối nập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, truyền đạt tác phẩm đến công chúng, cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính. Mọi hành vi sử dụng tác phẩm mà không xin phép chủ sở hữu tác phẩm đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Với các quyền trên, chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu tự mình thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện, trong trường hợp khi cho người khác thực hiện quyền, họ có thể được hưởng tiền nhuận bút, thù lao, các lợi ích khác theo thỏa thuận. Mọi hành vi sử dụng tác phẩm mà không xin phép chủ sở hữu tác phẩm đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Bên cạnh việc tác giả được thừa nhận và bảo hộ quyền theo quy định, thì pháp luật cũng có những giới hạn về quyền tác giả. Việc giới hạn thể hiện ở chỗ pháp luật quy định những trường hợp nhất định thì cá nhân, tổ chức khác có quyền sử dụng tác phẩm được công bố mà không xin phép, không phải tra nhuận bút, thù lao cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, sử dụng tác phẩm được công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền (Điều 25 và Điều 26 luật Sở hữu trí tuệ 2005). Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định về giới hạn quyền tác giả như vậy, một mặt là để đảm bảo tác giả, chủ sở hữu tác phẩm không lạm dụng những đặc quyền dành cho họ, mặt khác đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm với lợi ích của công

đồng, bảo tồn và phát triển những giá trị chung ở mức độ hợp lý.

1.2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

1.2.1. Lịch sử phát triển của tác phẩm văn học dân gian

Mỗi một dân tộc trên thế giới đều chứa đựng những nét văn hóa vô cùng phong phú và đặc sắc, điển hình cho những nét văn hóa đó là các tác phẩm văn học dân gian mà chúng ta đã từng biết như: Sử thi dân gian Nga (Tráng sĩ ca), Con vật tinh ranh của Châu phi, thần thoại Hy Lạp,… Qua các tác phẩm văn học dân gian hiện lên hình ảnh của các cộng đồng dân tộc, phong tục tập quán, cách ứng xử,… họ sống với nhau từ lâu đời và lưu truyền qua nhiều thế hệ, đồng thời phát triển những nét văn hóa đó và cũng thông qua tác phẩm văn học dân gian bộc lộ rõ nét đặc trưng văn hóa của họ, thể hiện tình yêu thiên nhiên, đất nước, nhân tình thế thái. Chúng là một phần của văn hóa loài người và không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người, chúng rất quen thuộc với chúng ta qua lời kể truyện cổ tích, những làn điệu dân ca… của ông bà, cha mẹ. Các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam đã biết lợi dụng ưu thế của mình về mặt văn hóa để tác động vào sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời có nhiều đổi mới trong chính sách phát triển các tác phẩm văn học dân gian.

Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa dân tộc thống nhất trên cơ sở đa sắc thái văn hóa tộc người. Người Việt cùng cộng đồng 53 dân tộc anh em có những phong tục, tập quán, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng… có từ lâu đời và đầy ý nghĩa, được lưu truyền từ đời này qua đời khác thông qua các tác phẩm văn học dân gian. Qua các thời kì lịch sử Việt Nam đã có những thay đổi về văn hóa, nhưng những gì là tinh hoa văn hóa của dân tộc thì được gìn giữ và phát triển từ thế hệ này qua thế hệ khác. Chúng là cả một quá trình sáng tác tập thể và truyền miệng của nhân dân lao động trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Tác phẩm văn học dân gian ra đời từ thời kì công xã nguyên thủy, trải qua các thời kì phát triển lâu dài trong các chế độ xã hội có giai cấp, tiếp tục tồn tại cho đến thời đại ngày nay.

Lịch sử phát triển của tác phẩm văn học dân gian về cơ bản cũng chính là lịch sử sáng tạo nghệ thuật của nhân dân lao động. Trong quá trình sáng tạo đó, văn học dân gian đã tích lũy được vô số kinh nghiệm sáng tạo nghệ thuật tạo nên một truyền thống nghệ thuật phù hợp với thị hiếu thẩm mĩ của đông đảo quần chúng lao động. Chính trong sinh hoạt thường ngày cũng như nhu cầu sáng tạo nghệ thuật của nhân dân lao động đã làm nên những tác phẩm văn học dân gian có giá trị. Vì vậy, cho tới ngày nay mỗi một tác phẩm văn học dân gian có vị trí đặc biệt quan trọng trong nền văn hóa dân gian và trong hệ thống các loại hình văn học, nghệ thuật. Sự ra đời và phát triển của tác phẩm văn học dân gian ở mỗi nước có sự khác nhau nên có thể phân chia qua các giai đoạn sau:

- Thời kì công xã nguyên thủy: Giai đoạn này thành phần ngôn ngữ chưa phát triển mà nếu có thì chỉ là yếu tố như nhảy múa, âm nhạc của người nguyên thủy. Sự ra đời của sáng tác truyền miệng đánh dấu sự ra đời của loại hình nghệ thuật như thần thoại, cổ tích, bài hát, câu đố…Thời kì này, nghệ thuật không tồn tại dưới dạng độc lập mà gắn bó với hoạt động thực tiễn của loài người.

- Trong xã hội có giai cấp: Nghệ thuật nói chung trở thành một lĩnh vực hoạt động độc lập và được phân ra thành hai hình thức đặc trưng: văn học thành văn và văn học dân gian. Nếu như trong văn học thành văn tồn tại với tư cách là một loại hình nghệ thuật chuyên nghiệp, thì văn học dân gian tiếp tục tồn tại như một loại hình nghệ thuật không chuyên nghiệp, tức là nó tồn tại cùng với hoạt động sản xuất vật chất và nhu cầu sáng tạo của nhân dân lao động.

- Trong gia đoạn hiện nay: Những nước xóa bỏ được sự đối kháng giai

cấp đã tạo ra điều kiện cần thiết để đông đảo quần chúng nắm được những thành tựu cao nhất của nghệ thuật toàn nhân loại, bất cứ thành viên nào trong xã hội nếu muốn và có khả năng đều có thể trở thành nhà sáng tác nghệ thuật chuyên nghiệp. Nhưng bên cạnh hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp của một số nhỏ, vẫn phát triển hoạt động nghệ thuật không chuyên của đông đảo quần chúng nhân dân lao động trong hoạt động sản xuất và hoạt động xã hội. Hoạt đông nghệ thuật không chuyên nghiệp trong xã hội chủ nghĩa là một hình thức phát triển trong lịch sử của văn nghệ dân gian trước kia, trong đó nhiều truyền thống sáng tạo và sinh hoạt của văn học dân dân gian kế thừa những tinh hoa của nhân loại và có tác dụng nhất định đến ngày nay.

Có thể nói, mỗi tác phẩm là bài ca về lòng yêu nước, tình yêu thương giữa người với người, dạy con người biết sống hòa hợp với thiên nhiên, và cũng là nơi chứa đựng những tinh hoa văn hóa của các dân tộc. Những tác phẩm văn học dân gian quen thuộc với chúng ta như: Sử thi Đam San, thần thoại Hi Lạp, truyền thuyết Nữ Oa, những bài ca, bài vè, làn điệu dân ca, các điệu múa truyền thống... Chúng là những viên ngọc quý làm giàu cho nền văn hóa nhân loại.

1.2.2. Khái niệm tác phẩm văn học dân gian

Tác phẩm văn học là công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hoặc một tập thể sáng tạo nhằm thực hiện những khái quát về cuộc sống, con người; biểu hiện tâm tư, tình cảm, thái độ của chủ thể trước thực tại bằng hình tượng nghệ thuật nghiên cứu.

Tác phẩm văn học có thể tồn tại dưới hình thức truyền miệng (văn học dân gian, folklore văn học) hay dưới hình thức văn bản nghệ thuật được giữ gìn qua văn tự (văn học viết, văn học bác học), có thể được viết bằng văn vần hay văn xuôi. Tác phẩm văn học bao giờ cũng là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

Văn học dân gian ở Việt Nam còn được gọi là văn chương bình dân (hoặc văn học bình dân, văn chương hoặc văn học đại chúng), văn chương truyền khẩu (hoặc văn học truyền khẩu, văn chương hoặc văn học truyền miệng), văn nghệ dân gian, sáng tác dân gian. Những khái niệm này xuất hiện từ đầu thế kỷ XX, riêng khái niệm văn học dân gian thì chỉ mới xuất hiện vào khoảng những năm 50 của thế kỉ này và được dùng một cách rộng rãi trong nghiên cứu văn học [12].

Dưới góc độ lý luận văn học, tác phẩm văn học dân gian là sáng tác tập thể và truyền miệng của nhân dân lao động, ra đời từ thời công xã nguyên thủy, trải qua các thời kì phát triển lâu đời trong các chế độ xã hội có giai cấp, tiếp tục tồn tại trong thời đại ngày nay.

Theo Điều 1 Luật Di sản văn hóa 2009 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Luật Di sản văn hóa 2001 thì:

"*Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử,văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác" [28]*.

Theo khoản 1 Điều 23 Luật SHTT 2005:

"Tác phẩm văn học dân gian là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân nhằm phản ánh khát vọng của cộng đồng, thể hiện tương xứng đặc điểm văn hoá và xã hội của họ, các tiêu chuẩn và giá trị được lưu truyền bằng cách mô phỏng hoặc bằng cách khác" [27].

Và tại khoản 1 Điều 20a của Nghị đinh 85/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan cũng

quy định tác phẩm văn học dân gian bao gồm: truyện tiếu lâm, ngụ ngôn, sử thi, thần thoại, truyền thuyết, giai thoại, thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố và các hình thức thể hiện tương tự khác.

Qua các khái niệm trên cho ta thấy, trong Luật Di sản văn hóa tuy không đưa ra khái niệm riêng về tác phẩm văn học dân gian nhưng nội hàm của khái niệm về di sản văn hóa phi vật thể đã thể hiện được ý nghĩa và nội dung của tác phẩm văn học dân gian. Dưới góc độ lý luận văn học và góc độ pháp lý thì các khái niệm trên tuy có sự khác nhau về hình thức nhưng về mặt nội dung đã thể hiện được khát vọng, tư tưởng, tình cảm, thái độ của quần chúng nhân dân trong quá trình lao động sản xuất. Hay nói một cách khác, tác phẩm văn học dân gian gắn liền với môi trường sinh hoạt, hoạt động thực tiễn của nhân dân lao động trong các giai đoạn phát triển khác nhau ở mỗi thời kì. Mối quan hệ đó được hiểu theo hai nghĩa, đó là nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa hẹp, đó là một mối quan hệ trực tiếp giữa văn học dân gian và lao động. Tiêu biểu trong trường hợp này là những bài hát lao động và những hình thức lao động khác nhau có cùng yếu tố nhịp điệu. Bài hát lao động được hát lên trong quá trình lao động có tác dụng tích cực làm giảm nhẹ quá trình lao động, góp phần tổ chức, phối hợp động tác lao động tập thể, tạo cảm hứng khuyến khích người dân lao động hăng say. Theo nghĩa rộng thì mối quan hệ đó gắn liền với sinh hoạt mọi mặt của nhân dân lao động cụ thể là: giải trí, rèn luyện óc quan sát, trí phán đoán, giảng dạy trong nhà trường, truyền thụ kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học.

Khái niệm văn học dân gian khác với khái niệm văn hóa dân gian và khái niệm văn nghệ dân gian. Thuật ngữ văn hóa dân gian (Folklore) được W J.Thom sử dụng đầu tiên vào năm 1846 để chỉ phong tục, tập quán, tôn giáo, nghi thức, ca dao, tục ngữ...Văn hóa dân gian là một thực thể sống, hình thành và phát triển gắn liền với sinh hoạt công đồng của nhân dân lao động. Tuy sự ra đời của văn hóa

dân gian và văn học dân gian gắn liền với môi trường sinh hoạt của cộng đồng nhưng khái niệm "văn hóa dân gian" có nội hàm rộng hơn khái niệm "văn học dân gian" vì những thể loại như ca dao, tục ngữ, thơ truyện.. đều thuộc về văn hóa dân gian. Trong mọi trường hợp chúng phải được bảo hộ theo quyền tác giả (được định hình dưới một hình thức nhất định).

Văn học dân gian là một bộ phận nằm trong văn hóa dân gian, là một yếu tố cấu thành của văn hóa dân gian và có thể coi đó là yếu tố hạt nhân quan trọng của văn hóa dân gian.

1.2.3. Các đặc trưng cơ bản của quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian

Để được bảo hộ, quyền tác giả phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hộ do Luật Sở hữu trí tuệ quy định. Quyền tác giả khác biệt so với quyền sở hữu tài sản vật chất hữu hình. Do đó, luật Sở hữu trí tuệ quy định cụ thể nội dung, giới hạn quyền và thời gian bảo hộ quyền tác giả để cho mọi cá nhân, tổ chức hiểu rõ những quyền nào mà các chủ thể được hưởng đối với từng đối tượng được bảo hộ, những quyền này chịu giới hạn và sự bảo hộ là vĩnh viễn hay trong một thời hạn nhất định.

Ngoài những đặc trưng chung của quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật mà Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định như:

Thứ nhất, đối tượng của quyền tác giả luôn mang tính sáng tạo, được bảo hộ không phụ thuộc vào giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật.

Thứ hai, quyền tác giả thiên về việc bảo hộ hình thức thể hiện tác phẩm; hình thức xác lập quyền theo cơ chế bảo hộ tự động.

Thứ ba, quyền tác giả không được bảo hộ một cách tuyệt đối mà trong một thời hạn nhất định.

Thì quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian còn có sự khác biệt so với các đối tượng bảo hộ khác, do những đặc trưng của nó quy định:

Thư nhất, là tính tập thể trong sáng tác văn học dân gian, biểu hiện thành tính thống nhất giữa sáng tác cá nhân và sáng tác tập thể, vừa mang tính truyền thống vừa là ứng tác. Tức là một người khởi xướng và tác phẩm hình thành, sau đó tập thể tiếp nhận và người khác lưu truyền và sáng tạo.

Nói tới tính tập thể trong văn học dân gian người ta thường hay nghĩ tới tính vô danh của chúng, những tác phẩm kết tinh sự sáng tạo của tập thể và do đó không mang dấu ấn cá nhân, không có cá tính rõ rệt. Thực tế thì không phải vậy, bởi không có một sáng tác tập thể mà lại không do cá nhân thể hiện.

Quá trình sáng tác tập thể và diễn xướng tập thể văn học dân gian đều phải nói tới vai trò của các cá nhân có tài năng. Có thể nói tác phẩm văn học dân gian là kết quả của quá trình sáng tạo tập thể trong đó mỗi người tham gia vào quá trình là một cá nhân sáng tạo, nhưng cần lưu ý rằng cá nhân ở đây không mang dấu ấn riêng. Trên cơ sở phương thức truyền miệng, sự sáng tạo diễn ra liên tục và nhiều con người ở các thời đại, các vùng khác nhau góp phần vào quá trình sáng tác, được mọi người xung quanh chấp nhận và phổ biến, thêm bớt và gọt sửa, cắt xén hoặc kết hợp với tác phẩm khác, được giữ nguyên dạng hoặc biến đổi về cơ bản, thậm chí biến thành tác phẩm mới...Tất cả những biến đổi đó là biểu hiện cụ thể của tính chất động, tính chất không cố định cả về nội dung và hình thức của tác phẩm văn học dân gian (hay còn gọi là tính dị bản của tác phẩm văn học dân gian). Như vậy, trong văn học dân gian, tính chất không cố định cả về văn bản lẫn nghệ thuật diễn xướng tác phẩm là điều kiện, đồng thời cũng là biểu hiện đặc trưng của tính tập thể trong quá trình sáng tạo. Do đặc trưng này mà tác phẩm văn học dân gian tồn tại thông qua nhiều dị bản, tính không xác định của văn học dân gian. Vì thế việc xác định ai là tác giả của tác phẩm và tác phẩm nào là tác phẩm gốc là chuyện rất khó.

Thư hai, trong những giai đoạn lịch sử nhất định, phương thức sáng tác và tồn tại bằng miệng là phương thức chủ yếu. Xét về cơ sở lịch sử xã hội của

nó, trong xã hội thị tộc chưa có chữ viết thì phương thức sáng tác và tồn tại nào ngoài phương thức truyền miệng; đến khi dân tộc có chữ viết nhưng giai cấp thống trị nắm cả tư liệu sản xuất tinh thần và tư liệu sản xuất vật chất thì sáng tác của quần chúng nhân dân chủ yếu là truyền miệng; Xã hội ngày nay quần chúng nắm cả tư liệu sản xuất tinh thần và tư liệu sản xuất vật chất và không bị hạn chế bất cứ sáng tạo lĩnh vực nghệ thuật nào nhưng phương thức sáng tác bằng miệng vẫn tồn tại. Trong các loại hình khác nhau của tác phẩm văn học dân gian, phương thức truyền miệng cũng khác nhau và chúng gắn liền với điều kiện sinh hoạt của quần chúng, do vậy đây là một hình thức đặc trưng của tác phẩm văn học dân gian. Sở dĩ có đặc trưng này, người sáng tác phải có số vốn kinh nghiệm bằng trí nhớ, có sự sáng tạo của nhân dân dựa trên tài ăn nói một chút và sự sáng tạo đó được thực hiện bằng con đường ứng khẩu. Do đó, đặc trưng này quy định tính nhiều chức năng của văn học dân gian như chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mĩ và chức năng sinh hoạt. Và vì là truyền miệng nên bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian phải đảm bảo tính nguyên gốc là không thể được, ta không thể biết đâu là tác phẩm đầu tiên.

Thứ ba, trong tác phẩm văn học dân gian các thành phần ngôn ngữ có một vị trí quan trọng và thể hiện là khác nhau như: lời nhạc, múa và động tác kịch, trong đó thành phần lời là quan trọng (tính nguyên hợp). Chẳng hạn thơ ca dân gian sáng tác ra không phải để đọc mà là để hát, nhân dân ta gọi là những câu hát, câu hò. Nội dung những câu hát đó không chỉ được thực hiện bằng lời thơ mà còn bằng cả giai điệu và cơ cấu nhịp điệu; Kể truyện cổ tích hình thức diễn xướng sẽ khác so với hình thức văn bản, qua âm sắc, giọng điệu, điệu bộ thể hiện nội dung câu chuyện. Như vậy, tính nguyên hợp của văn học dân gian được thực hiện qua phương thức truyền miệng đã tạo nên một đặc điểm quan trọng thuộc về yếu tố thẩm mĩ. Mặt khác, văn học dân

gian gắn liền với sinh hoạt của quần chúng nhân dân nên quá trình diễn xướng tác phẩm không chỉ mang lại cho người nghe hát, xem múa mà con mang lại sự thích thú cho bản thân người diễn xướng. Có thể nói văn học dân gian tồn tại và phát triển trước hết là vì nhu cầu được sáng tạo của người sáng tác và diễn xướng của nhân dân, sau đó là nhu cầu thưởng thức của người xem, người nghe. Vì vậy mà tác phẩm văn học dân gian trở nên quan trọng, khiến cho nó có lí do tồn tại và phát triển trong điều kiện hiện nay, khi mà nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của nhân dân hiện nay không chỉ bằng sinh hoạt văn học dân gian như trước đây nữa mà chủ yếu được thỏa mãn bằng các hình thức văn học nghệ thuật chuyên nghiệp có tổ chức. Những đặc trưng thẩm mĩ của văn học dân gian tạo ra sự khác biệt trong việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian so với các đối tượng bảo hộ khác về hình thức thể hiện cũng như đóng góp của chúng cho nền văn học dân tộc. Bởi mỗi tác phẩm có những chi tiết khác nhau, không thể bó buộc chúng, cố định chúng, mà chúng tự động được bảo hộ.

1.2.4. Mục đích bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian trên thế giới

Thế giới đang đứng trước ngưỡng cửa của sự toàn cầu hoá, sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, đặc biệt là trong lĩnh vực ghi âm, nghe nhìn, phát sóng, truyền hình cáp, điện ảnh có thể dẫn đến việc khai thác bất hợp lý di sản văn hoá cũng như việc thương mại hoá trên quy mô toàn cầu thông qua các phương tiện đó, thiếu sự tôn trọng cần thiết đối với các lợi ích văn hoá hay kinh tế của các cộng đồng nơi chúng được sinh ra. Do đó, vấn đề bảo hộ chúng ngày càng phải đòi hỏi cấp thiết hơn.

Các quốc gia trên thế giới bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nhằm nhiều mục đích khác nhau phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi nước. Nhưng nhìn chung các quốc gia trên thế giới khi bảo hộ tác

phẩm văn học dân gian đều nhằm một số những mục đích cơ bản sau:

Thứ nhất, sử dụng tác phẩm văn học dân gian vì mục đích chung của cộng đồng dân tộc, không chỉ vì các mục đích vật chất, mà còn là sự ghi nhận về những giá trị về mặt tinh thần nhằm duy trì nét đẹp truyền thống, giữ gìn vốn cổ mà nó mang lại.

Trước tiên, tác phẩm văn học dân gian chứa đựng nhiều giá trị to lớn đối với con người: giá trị giáo dục, giá trị nhận thức và giá trị thẩm mĩ, giá trị sinh hoạt. Vì vậy, bảo hộ tác phẩm văn học dân gian là cần thiết nhằm duy trì những giá trị tốt đẹp đó. Tác phẩm văn học dân gian là một kho kiến thức đồ sộ của các dân tộc trên thế giới, nhìn vào một tác phẩm văn học dân gian ta dễ dàng nhận thấy lối sinh hoạt, nét văn hóa của dân tộc đó, đồng thời một tác phẩm văn học dân gian còn có tác dụng giáo dục sâu sắc, hình thành tinh thần lạc quan, nhiều phẩm chất tốt đẹp như lòng yêu nước, tình yêu thiên nhiên, lòng vị tha...Một tác phẩm dân gian được hình thành chứa đựng nhiều giá trị nghệ thuật lớn lao, với văn phong dễ thuộc, dễ ghi nhớ, sử dụng nhiều hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ làm cho tác phẩm càng thêm độc đáo, người nghe dễ cảm nhận được thông qua tác phẩm. Hơn nữa, tác phẩm dân gian còn gắn liền với sinh hoạt mọi mặt của nhân dân lao động và tham gia vào những sinh hoạt đó với tư cách là một thành phần, một nhân tố cấu thành của những sinh hoạt đó. Chẳng hạn, bài hát nghi lễ, bài hát đám cưới, bài hát đưa ma, hát ru em, hát đối đáp nam nữ...không chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của người hát mà còn gắn liền với những nghi lễ, hội hè, phong tục, tập quán trong sinh hoạt gia đình và sinh hoạt xã hội. Cũng như vậy, câu đố ngoài mục đích giả trí, còn là một hình thức rèn luyện óc quan sát, trí phán đoán, một hình thức giảng dạy những kiến thức về các sự vật và hiện tượng trong sinh hoạt lao động và sinh hoạt hàng ngày của nhân dân. Với những giá trị quý báu như thế nên tác phẩm văn học dân gian cần được bảo hộ.

Mặt khác, bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nhằm bảo tồn và phát triển di sản văn hóa – tinh thần dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại trên thế giới. Mỗi một dân tộc trên thế giới đều có những nền văn hóa đặc trưng khác nhau, chúng được lưu giữ thông qua các tác phẩm văn học dân gian nói riêng và các hình thức khác nói chung. Qua tác phẩm văn học dân gian ta có thể thấy được phong tục, tập quán, cách sống, ứng xử của con người mỗi dân tộc, nó là kết tinh của truyền thống văn hóa của các dân tộc. Chúng được thể hiện qua các bài hát lao động, bài hát nghi lễ (dân ca tế thần Việt Nam), trò chơi dân gian, các phong tục tập quán, các nghi lễ truyền thống như phong tục cưới hỏi, hội hè, đón Giáng sinh trên thế giới,...Vậy nên, bảo hộ tác phẩm văn học dân gian cũng là bảo hộ truyền thống văn hóa của các dân tộc.

Thứ hai, vấn đề du nhập của văn hoá nước ngoài và sự phát triển kinh tế thị trường đang là vấn đề đáng lo ngại ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển lành mạnh và toàn vẹn của tác phẩm văn học dân gian.

Quá trình toàn cầu hoá ngày càng gia tăng, kinh tế và văn hoá có thể được xem là hai nguồn lực lớn nhất quy định hành vi của con người. Phát triển kinh tế là cơ sở để xây dựng và phát triển nền văn hóa. Đồng thời, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển kinh tế phải hướng tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp để phục vụ con người, phục vụ nhân dân. Mặt khác, sự du nhập của văn hóa ngước ngoài là cơ hội học hỏi và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của nhân loại, bổ sung vào nền văn hóa nước nhà phong phú, đa dạng hơn, chúng như một động lực, như một nguồn lực để phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, phát triển nền kinh tế thị trường làm cho người ta coi giá trị thị trường là giá trị chân thực duy nhất dùng để đo các giá trị khác, dẫn đến nguy cơ "thương mại hóa", làm băng hoại đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục, giá trị truyền thống bị nhận thức sai lệch. Chẳng hạn ở Việt Nam

trong một thời gian dài loại hình sân khấu chèo, cải lương, ca trù...đã không được mọi người chú ý, thêm vào đó là làn sóng văn hóa Hàn Quốc (Hallyu) thông qua con đường phim truyền hình đã thâm nhập sâu rộng, mạnh mẽ vào đời sống văn hóa Việt Nam, tác động không ít đến nhận thức, hành vi, lối sống, ứng xử, quan điểm thẩm mĩ của một bộ phận giới trẻ Việt Nam theo hướng "Hàn Quốc hóa".

Vì vậy, vấn đề cấp thiết nhằm đảm bảo sự phát triển một cách lành mạnh tác phẩm văn học dân gian, là phải bảo hộ chúng. Tính chất truyền miệng và dị bản là đặc trưng cơ bản của tác phẩm văn học dân gian, do đó phải bảo đảm chúng phát triển đúng và duy trì được cái "hồn", nét đẹp văn hóa mà chúng mang lại. Hơn nữa, bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nhằm giúp việc phát triển các tác phẩm này một cách toàn vẹn, sao cho các hành động khai thác, chuyển thể các tác phẩm văn học dân gian không làm ảnh hưởng, phương hại tới những giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc. Song song với việc bảo tồn và duy trì những nét tinh hóa văn hóa đó, chúng ta không được kìm hãm mà phải khích lệ sự sáng tạo của bản thân những người phát triển chúng.

Thứ ba, vấn đề bồi thường cho sự chiếm đoạt và xâm hại nền văn hoá của dân tộc.

Cùng với việc du nhập của văn hóa nước ngoài và phát triển như vũ bão của nên kinh tế thị trường là cơ hội để các nước học hỏi kinh nghiệm và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu tiến bộ trong các lĩnh vực chuyển giao công nghệ và truyền bá tư tưởng, lối sống của các quốc gia với nhau trên quy mô ngày càng lớn. Những thành quả mới mẻ, những khám phá, sáng tạo về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh, phong tục, lối sinh hoạt,... tác động đến các dân tộc, đến từng gia đình, từng người. Bên cạnh những tác động tích cực thì sức mạnh của toàn cầu hóa đang là

thách thức lớn, tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội. Ở những nước chậm và đang phát triển thì sự thách thức và tác động tiêu cực lại càng lớn hơn, trong đó có cả tư tưởng, đạo đức, lối sống (văn hóa) nói chung và nền văn học dân gian nói riêng. Một khi nền văn hóa của dân tộc bị xâm hại, mai một thì những gì được coi là tinh hoa văn hóa của nhân loại, là bản sắc dân tộc sẽ không còn là đặc thù riêng của mỗi quốc gia nữa. Bởi nét văn hóa đó tượng trưng cho tư tưởng, lối ứng xử, phong tục tập quán, con người ... của họ. Do đó, khi bảo hộ tác phẩm văn học dân gian chúng ta phải xác lập một cơ chế pháp luật để ngăn chặn các hành vi xâm phạm đến chúng, đông thời phải đặt ra vấn đề bồi thường khi có hành vi xâm hại nền văn hóa của dân tộc nói chung và tác phẩm văn học dân gian nói riêng. Qua đó thể hiện được sự quan tâm của chính quyền tới đời sống xã hội, đời sống văn hoá của người dân, góp phần ổn định trật tự xã hội.

Thứ tư, đặt ra vấn đề vật chất khi thu phí sử dụng tác phẩm văn học dân gian.

Việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian sẽ đề ra việc cấp phép sử dụng, số tiền thu được từ việc cấp phép đó sẽ góp một phần vào việc tu bổ, phát triển tác phẩm văn học dân gian. Bảo hộ tác phẩm văn học dân gian sẽ tạo ra lợi ích cho cộng đồng lưu giữ chúng, khi có ai muốn khai thác một tác phẩm văn học dân gian thì đồng nghĩa với việc họ phải bỏ ra một khoản phí để sử dụng chúng góp phần vào sự duy trì sự tồn tại của tác phẩm văn học dân gian nói riêng và văn hóa truyền thống nói chung.

1.3. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

1.3.1. Trước khi có Bộ luật Dân sự 2005 ban hành

- *Hiến pháp và luật*

Hiến pháp 1992 ban hành có quy định tại Điều 30: "Nhà *nước và xã hội*

bảo tồn, phát triển nền văn hoá Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn; kế thừa và phát huy những giá trị của nền văn hiến các dân tộc Việt Nam, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phát huy mọi tài năng sáng tạo trong nhân dân..." [21]. Đồng thời nghiêm cấm truyền bá tư tưởng, văn hóa đồi trụy, phản động làm phương hại đến lợi ích quốc gia, phá hoại nhân cách và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam. Trên cơ sở đó, tại Điều 8 Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả ngày 02/12/1994 được coi là văn bản pháp luật đầu tiên của Việt Nam quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Ngày 28/10/1995 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Bộ luật Dân sự (BLDS) 1995. Đây là bộ luật quan trọng đầu tiên quy định về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng. Để cụ thể hóa các quy định của Bộ luật Dân sự 1995, Chính phủ đã ban hành một số nghị định hướng dẫn thi hành. Ngoài ra tại, g30

Bộ luật Hình sự 1999, Luật Di sản văn hóa 2001, Luật xuất bản 2004 và các văn bản pháp luật khác cũng đã có quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian.

Tại khoản 1 Điều 4 Luật Di sản văn hóa 2001 đề cập đến những sản phẩm truyền thống nói chung trong đó có văn học dân gian thuộc về di sản văn hóa phi vật thể là những sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, được lưu truyền bằng miệng từ thế hệ này đến thế hệ khác, lưu truyền bằng trí nhớ và hình thức lưu truyền khác...bao gồm tiếng nói, chữ viết, ngữ văn dân gian, lối diễn xướng...Hơn nữa, Luật Xuất bản 2004 quy định về việc nhà nước đảm bảo quyền phổ biến tác phẩm và bảo hộ quyền tác giả trong hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng nhằm giới thiệu tri thức thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân

trí, xây dựng đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, việc bảo hộ những giá trị truyền thống nói chung và văn học dân gian nói riêng được Đảng và Nhà nước quan tâm từ lâu, là cơ sở để Nhà nước ban hành các văn bản pháp lý nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tốt đẹp của dân tộc

- *Các văn bản dưới luật*

Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số các quy định về quyền tác giả trong BLDS; Thông tư 27/2001/TT-BVHTT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số các quy định về quyền tác giả trong BLDS.

Nhưng trong quá trình phát triển và thay đổi đời sống kinh tế, khoa học xã hội, Bộ luật Dân sự 1995 sau hơn 10 năm đã bộc lộ một số hạn chế trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự hiện tại, trong đó có cả quyền tác giả đới với tác phẩm VHDG như:

- Quan hệ pháp luật về sở hữu trí tuệ (SHTT) là quan hệ vừa mang tính chất hành chính (ví dụ các thủ tục đăng ký QTG, quyền liên quan; xử lý vi phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu...,), vừa mang tính dân sự (các quyền nhân thân và quyền tài sản của chủ thể) nên không thể điều chỉnh trọn vẹn các vấn đề mang tính hành chính trong Bộ luật Dân sự

- Bộ luật Dân sự điều chỉnh quyền nhân thân và quyền tài sản hữu hình, trong khi đó quyền SHTT là quyền tài sản vô hình.

- Tác phẩm văn học dân gian mang giá trị văn hóa của dân tộc và tinh

hoa văn hóa của nhân loại, được lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, là sự sáng tạo bằng trí tuệ của con người. Vì vậy, cần có cơ chế bảo hộ chúng nhằm giữ gìn và phát triển những nét đẹp đó là cần thiết.

Do vậy, sau 10 năm thi hành BLDS 1995, việc ban hành một BLDS khác thay thế là việc làm cần thiết và hợp lý.

1.3.2. Sau khi Bộ luật Dân sự 2005 ban hành

- Bộ luật Dân sự 2005

Ngày 14/6/2005 Quốc hội khóa 11, kỳ họp thứ 7 đã thông qua BLDS 2005 với 7 phần 36 chương 777 điều. Theo quy định của BLDS 2005 về QTG và các quyền liên quan thì BLDS 2005 chỉ quy định những vấn đề chung nhất đối với QTG như: tác giả, đối tượng QTG, nội dung QTG, thời điểm phát sinh hiệu lực QTG, chủ sở hữu QTG...Còn những nội dung cụ thể khác thì do pháp luật về SHTT quy định.

Điều 736 BLDS 2005 quy định tác giả là "*người sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học là tác giả của tác phẩm đó. Trong trường hợp có hai người hoặc nhiều người cùng sáng tạo ra tác phẩm thì những người đó lả đồng tác giả"*. Còn đối tượng quyền tác giả được quy định tại Điều 737 BLDS 2005 "*Đối tượng quyền tác giả bao gồm mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào, không phân biệt nội dung, giá trị và không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào*" [26]. Nội dung quyền tác giả ở Bộ luật Dân sự 2005 bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản (Điều 738 BLDS 2005). Nhưng đối với tác phẩm văn học dân gian có những đặc thù riêng biệt như đã đề cập ở trên nên việc xác định tác giả rất khó khăn.

- Luật Sở hữu trí tuệ 2005

Ngày 29/11/2005 Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua. Việc ban hành Luật

Sở hữu trí tuệ là cần thiết, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của các chủ thể quyền SHTT trong và ngoài nước. Luật SHTT có 6 phần, 18 chương và 222 điều đáp ứng yêu cầu bảo hộ hiệu quả quyền SHTT, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tác phẩm văn học dân gian được quy định trong Luật SHTT là một trong 12 loại hình tác phẩm được bảo hộ QTG (Điều 14 Luật Sử hữu trí tuệ 2005). Luật SHTT cũng quy định QTG bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Nội dung của các quyền này về cơ bản tương tự như quy định tại BLDS 2005. Luật SHTT 2005 quy định rõ việc tổ chức, cá nhân khi công bố tác phẩm hoặc khai thác sử dụng một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản thì phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu QTG đối với tác phẩm VHDG (khoản 3 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005).

Luật Sở hữu trí tuệ 2005 là văn bản pháp luật chuyên biệt đầu tiên có một điều khoản quy định về QTG đối với tác phẩm văn học dân gian (Điều 23 Luật Sở hữu trí tuệ 2005). Theo quy định của Luật SHTT thì tổ chức, cá nhân khi sử dụng tác phẩm văn học dân gian phải dẫn chiếu xuất xứ của loại hình tác phẩm đó và bảo đảm giữ gìn giá trị đích thực của tác phẩm văn học dân gian (khoản 2 Điều 23 Luật Sở hữu trí tuệ 2005), và việc bảo hộ QTG ở đây sẽ do Chính phủ quy định cụ thể (Điều 24 Luật Sở hữu trí tuệ 2005).

Để đáp ứng với nhu cầu phát triển trong lĩnh vực bảo hộ quyền SHTT, ngày 19/6/2009 Quốc hội đã ban hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2005, trong nội dung sửa đổi lần này về cơ bản không đề cập gì đến tác phẩm văn học dân gian.

Sau khi Luật SHTT 2005 ra đời có các văn bản hướng dẫn thi hành: Nghị định 47/2009/NĐ-CP ngày 13/05/2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính về QTG, quyền liên quan; Nghị định số 85/2011/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi

hành một số điều Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan; Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan; Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT; Quyết định số 36/208/CT-TTg ngày 31/12/2008 về tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ QTG, quyền liên quan; Quyết định số 88/2006/QĐ-BVHTT ngày 17/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Băn hóa Thông tin về việc ban hành các mẫu tờ khai, giấy chứng nhận đăng ký QTG, quyền liên quan, Nghị định 85/2011/NĐ-CP bổ sung, sửa đổi Nghị định 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.

- *Các văn bản khác có liên quan*

+ BLHS 1999 quy định tại điều 131 về tội xâm phạm QTG được thay thế bằng Điều 170a tại Bộ luật Hình sự 2009 về tội xâm phạm QTG và quyền liên quan và chuyển từ Chương XIII – Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân xuống trước Điều 170 về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thuộc Chương XVI – Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Về cấu thành cơ bản của tội, các yếu tố "gây hậu quả nghiêm trọng", "đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm", "đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm", được xóa bỏ, thay thế bằng yếu tố "với quy mô thương mại" (khoản 1); các hành vi bao gồm cả xâm phạm QTG và quyền liên quan, nhưng chỉ gồm hai loại: (i) Sao chéo tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình; và (ii) Phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình (khoản 1 Điều 170a).

Về hình phạt, khung phạt tiền được tăng lên thành từ năm mươi triệu

đồng đến năm trăm triệu đồng (khoản 1 Điều 170a) hoặc thành từ bốn trăm triệu đồng đến một tỷ đồng trong các trường hợp (i) Phạm tội có tổ chức; (ii) Phạm tội nhiều lần, không bao gồm trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiệm trọng (khoản 2 Điều 170a).

- *Các hiệp định song phương*

+ Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa kỳ vào ngày 27 tháng 6 năm 1997 về thiết lập quan hệ QTG.

+ Hiệp định giữa Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Chính phủ Thụy Sĩ về bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ vào ngày 7/7/1999.

+ Hiệp định giữa Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa kỳ về quan hệ thương mại vào ngày 10/12/2001 thỏa thuận tại Điều 4 chương II về QTG.

Các hiệp định này đã gián tiếp hoặc trực tiếp có những điều khoản quy định đến QTG đối với tác phẩm VHDG như: Mọi tác phẩm VHDG đều được coi là tác phẩm viết theo quy định của Công ước Berne và mỗi bên bảo hộ các đối tượng này như tác phẩm viết; mỗi bên dành cho tác giả và những người thừa kế quyền lợi của họ được liệt kê tại Công ước Berne đối với các tác phẩm thuộc khoản 1 và dành cho họ quyền cho phép hoặc cấm: a/ Nhập khẩu vào lãnh thổ của bên đó bản sao của tác phẩm; b/ Phân phối công khai lần đầu bản gốc và mỗi bản sao tác phẩm tác phẩm dưới hình thức bản sao, cho thuê hoặc các hình thức khác; c/ Truyền đạt tác phẩm đến công chúng; và d/ Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm VHDG nhằm đạt tới lợi ích thương mại; hay với các mục tiêu của Hiệp định này, việc bảo hộ SHTT được thực hiện đối với QTG; các quyền kế cận bao gồm cả tác phẩm VHDG và cơ sở dữ liệu.

- *Bản ghi nhớ*: Việt Nam cũng đã tiến hành ký các bản ghi nhớ giữa Cục

QTG nước CHND Trung Hoa và Cục bàn quyền tác giả văn học nghệ thuật Việt Nam về hợp tác trong lĩnh vực QTG và quyền liên quan 14/9/1998; Bản ghi nhớ giữa Cục SHTT Vương quốc Thái Lan và Cục Bản QTG Văn học - Nghệ thuật Việt Nam về hợp tác trong lĩnh vực bản quyền QTG và quyền kế cận vào ngày 07/11/1999. Các bản ghi nhớ cũng là tiền đề để xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về QTG đối với tác phẩm VHDG, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của các bên trong lĩnh vực SHTT.

Như vậy, so với BLDS 1995, BLDS 2005 và Luật SHTT 2005 cùng các văn bản liên quan đã tạo ra một hệ thống pháp lý tương đối cơ bản và đầy đủ điều chỉnh các quan hệ về QTG đối với tác phẩm VHDG không chỉ trong nước mà còn đáp ứng sự phối hợp quốc tế, góp phần quan trọng trong việc thức đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật của đất nước. Mặc dù không phải tất cả các quy định này hiện nay đều hoàn toàn phù hợp với việc điều chỉnh QTG đối với tác phẩm VHDG nhưng việc ban hành một đạo luật riêng về SHTT và một loạt các văn bản hướng dẫn cụ thể là một bước tiến đáng kể trong việc bảo hộ quyền SHTT nói chung và QTG đối với tác phẩm VHDG nói riêng.

1.4. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

- Công ước Berne về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học và nghệ thuật

Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật được ký tại Berne năm 1886, là Công ước quốc tế lâu đời nhất trong lĩnh vực quyền tác giả. Công ước Berne được sửa đổi, bổ sung nhiều lần vào các năm 1908, 1928, 1948, 1967, 1971 và lần gần đây nhất được bổ sung tại Liên hiệp Berne năm 1979.

Lần sửa đổi gần đây nhất của Công ước (Văn kiện Paris) 1971) đã dành

những quan tâm đặc biệt đối với các nước đang phát triển, ví dụ trao các nước đang phát triển khả năng bảo hộ những tác phẩm nghệ thuật truyền thống dân gian của mình ở nước ngoài; quy định khả năng mở đối với các nước này trong việc dịch và nhân bản các tác phẩm có nguồn gốc từ nước ngoài.

Cụ thể, vấn đề bảo hộ tác phẩm văn học dân gian được đề cập tới tại hội nghị ở Stockholm Công ước Berne năm 1967. Tại điều 15(4) của Công ước có nêu: "Trong trường hợp những tác phẩm không được xuất bản và vô danh, nhưng tác giả là một dân tộc của một nước tham gia công ước thì quốc gia đó có quyền chỉ định một cơ quan có thẩm quyền phù hợp để đại diện bảo vệ và thực hiện các quyền của tác giả". Năm 1967 hội nghị Stockholm cho sửa đổi Công ước Berne đã thực hiện một nỗ lực để giới thiệu việc bảo hộ quyền tác giả văn học dân gian cũng ở cấp độ quốc tế. Kết quả là, Điều 15 (4) của Stockholm (1967) và Paris (1971). Quy định của Công ước Berne như sau: "(a) Trong trường hợp công trình chưa được công bố danh tính của tác giả không biết, nhưng nơi có cơ sở để cho rằng tác giả là công dân của một quốc gia của Liên minh, nó sẽ là một vấn đề cho pháp luật tại nước đó để chỉ định cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm đại diện cho tác giả và được quyền bảo vệ và thực thi quyền của mình trong các nước thành viên Liên Hiệp (b) Các nước của Liên minh mà làm cho chỉ định theo các điều khoản của quy định này phải thông báo cho Tổng Giám đốc của WIPO bằng văn bản tuyên bố đưa ra thông tin đầy đủ liên quan đến cơ quan được chỉ định do đó Tổng giám đốc tại một lần thông báo cho tất cả các nước khác của Liên Minh. "

Có một sự chuyển biến quan trọng đầu tiên từ phía các nước đang phát triển vào thời điểm hội nghị Stockholm tiến hành chỉnh lý Công ước Berne, tháng 6 năm 1967, khi các nước này nhận thức hoàn cảnh đặc biệt của mình về những giá trị truyền thống có bề dày lịch sử và các nước đó có lợi thế hơn hẳn. Một số lượng lớn các quốc gia đang phát triển đã áp dụng Luật Bản

quyền để bảo vệ tác phẩm văn học dân gian (điển hình là Châu Phi, nơi có hơn 30 quốc gia sử dụng Luật Bản quyền và tỏ ra có hiệu quả). Nỗ lực đầu tiên mà các nước này cố gắng cung cấp sự bảo vệ trong khuôn khổ Luật Bản quyền của nước họ để điều chỉnh các sáng tạo văn hóa dân gian, chẳng hạn: Tunisia, 1967 và 1994, Bolivia, năm 1968 và năm 1992; Chile, năm 1970, Colombia, năm 1982; Congo, năm 1982, Madagascar, 1982, Rwanda, 1983; Benin, 1984: Burkina Faso, 1984; Cộng hòa Trung Phi, 1985, Ghana, năm 1985, Cộng hòa Dominican, 1986, Zaire, 1986, Indonesia năm 1987, Nigeria, năm 1988 và 1992, Panama, 1994). Trong quá trình chuẩn bị cho Hội nghị Stockholm, người ta đã đề xuất rằng các vấn đề quan tâm của các nước đang phát triển có thể được đưa vào một nghị định thư riêng. Việc thiết lập một chế độ bảo hộ đối với tác phẩm dân gian là vấn đề được cân nhắc nhiều. Mặc dù Nghị định thư được thông qua một cách miễn cưỡng trong phiên họp cuối cùng của hội nghị Stockholm, nhưng nó đã không có hiệu lực bởi không đảm bảo số lượng phê chuẩn. Nghị định thư này trở thành một phụ lục của Công ước Paris, được thông qua bởi hội nghị sửa đổi Công ước Paris năm 1971.

Tháng 4 năm 1973, Chính phủ Bolivia đã gửi một bản ghi nhớ tới Tổng Giám đốc UNESCO yêu cầu tổ chức này xem xét soạn thảo một văn bản pháp lý quốc tế về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian dưới hình thức một Nghị định thư kèm theo Công ước về quyền tác giả do UNESCO điều hành. Năm 1975, Ban thư ký UNESCO đã tiến hành khảo sát các ý kiến mong muốn có được sự bảo hộ đối với các hình thức văn hóa của người bản địa trên bình diện quốc tế. Năm 1977, Tổng Giám đốc UNESCO đã triệu tập một hội đồng các chuyên gia về bảo hộ pháp lý đối với tác phẩm dân gian. Trong báo cáo năm 1977, hội đồng đã kết luận rằng vấn đề này đòi hỏi phải có sự khảo sát về xã hội học, tâm lý học, dân tộc học và lịch sử - chính trị trên "cơ sở đa ngành trong khuôn khổ cách tiếp cận tổng thể và có tính lồng

ghép". Vào tháng 9, tháng 10 năm 1980 nghị quyết được thông qua bởi hội nghị toàn thể UNESCO tại Belgrade và quyết định ban hành bởi cơ quan lãnh đạo tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) tháng 11 năm 1981. Từ đó, Hội đồng chuyên gia Chính phủ về các khía cạnh sở hữu trí tuệ của việc bảo hộ tác phẩm dân gian đã được triệu tập. Năm 1985, Hội đồng này đã xây dựng nên Quy định mẫu của WIPO/UNESCO cho luật quốc gia về bảo hộ tác phẩm dân gian chống lại việc khai thác bất hợp pháp và các hành vi gây tổn hại khác đến tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian. Ngoài ra, tại hội nghị toàn thể UNESCO trong phiên họp thứ 25 năm 1989 đã thông qua một bản khuyến nghị về bảo hộ văn hóa truyền thống và tác phẩm dân gian, đã đề xuất các biện pháp cần triển khai ở cấp quốc gia nhằm xác định, gìn giữ, bảo hộ và truyền bá các tác phẩm văn hóa của người bản địa.

Mặt khác, phạm vi bảo hộ của Công ước bao gồm các loại tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, trong đó có cả tác phẩm VHDG với những nguyên tắc cơ bản:

- Nguyên tắc đối xử quốc gia là nguyên tắc bảo trợ tác phẩm có nguồn gốc từ các quốc gia thành viên của Công ước, tương tự như bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc gia mình.

- Nguyên tắc tự động bảo hộ là sự bảo hộ không lệ thuộc vào bất kỳ thủ tục hình thức nào như là thủ tục đăng ký, nộp lưu chiểu hoặc các thủ tục tương tự.

- Nguyên tắc độc lập bảo hộ là việc hưởng và thực thi các quyền được đề cập theo Công ước độc với những gì hiện được hưởng tại các nước xuất xứ của tác phẩm.

Công ước Berne được quản lý bởi Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (World Intellectual Property Organization, viết tắt là WIPO). Gần như tất cả các quốc gia thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tuân thủ hầu hết các điều khoản của công ước này.

Nội dung của quy định mẫu gồm các vấn đề cơ bản như sau:

+ Khái niệm tác phẩm văn học dân gian

Sử dụng các thuật ngữ về tác phẩm văn học dân gian ở các nước không giống nhau. Đa số các luật pháp quốc gia bảo vệ những gì họ gọi là "công trình văn hóa dân gian", một số luật khác (luật pháp của Benin, Indonesia, Kenya, Mali, Morocco, Tunisia Senegal và Zaire) thì gọi đơn giản là " văn hóa dân gian ", và hai trong số đó (pháp luật của Chile và Trung Quốc) sử dụng thuật ngữ mà Văn phòng quốc tế của WIPO xem xét một trong những thuật ngữ thích hợp nhất:" những biểu hiện của văn hóa dân gian ". Một số quốc gia như Chile, Ghana, Indonesia, Madagascar, Mali và Tunisia) không cung cấp một định nghĩa cụ thể, họ đề cập đến những gì liên quan đến di sản chung của cả nước. Nhưng ở Algeria và Morcco cung cấp định nghĩa tương ứng với Điều 15 (4) (a) của Công ước Berne, theo đó họ sử dụng các khái niệm nói chung của văn học và nghệ thuật dân gian, và chỉ có thêm một trong những yếu tố để phân biệt sáng tạo văn hóa dân gian với các công trình khác

(dựa trên yếu tố tác giả là người không xác định được, nhưng có lý do xác đáng để biết rằng họ là công dân nước mình). Hầu hết luật pháp các quốc gia khác định nghĩa rằng tác phẩm văn học dân gian là di sản văn hóa truyền thống được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, nó không phải là của một cá nhân cụ thể nào mà là của cả cộng đồng. Các định nghĩa trong luật của một số nước khác (luật pháp của Burundi, Cote d'lvoire, Guinea, Kenya, Rwanda và Senegal) cũng chỉ ra không biết ai là người trực tiếp sáng tạo ra chúng. Như vậy, các tác phẩm văn học dân gian là một phần của di sản truyền thống, không thích hợp để bảo vệ một số cá nhân "chủ sở hữu". Hầu hết luật pháp của các quốc gia đều áp dụng " Luật Bản quyền" để bảo hộ tác phẩm văn học dân gian chứ không thực hiện hình thức ủy quyền.

+ Nguyên tắc cơ bản

Trong nội dung của Quy định mẫu, yêu cầu cơ bản trong quy định về bảo hộ pháp lý đối với tác phẩm văn học dân gian là việc duy trì sự cân bằng hợp lý giữa một bên là việc bảo hộ chống lại sự lạm dụng tác phẩm dân gian, và bên kia là việc tự do, khuyến khích sự phát triển, việc truyền bá cũng như sửa đổi các tác phẩm sáng tạo nguyên gốc. Và việc khuyến khích phát triển, truyền bá tác phẩm văn học dân gian phải đảm bảo gìn giữ được các giá trị vốn có của nó như giá trị giáo dục, giá trị nhận thức hay giá trị thẩm mĩ và đảm bảo sự cân bằng, hợp lý của các tác phẩm văn học dân gian. Bên cạnh đó, bảo hộ tác phẩm văn học dân gian phải đảm bảo được sự bình đẳng giữa các cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng chúng, ngăn ngừa các hành vi sử dụng làm sai lệch, bảo vệ sự phát triển lành mạnh của chúng.

+ Đối tượng bảo hộ

Theo mục đích của Quy định mẫu, Mục 2 đã giải thích thuật ngữ "hình thức thể hiện dân gian" tương tự như đề xuất của hội đồng chuyên gia Chính phủ về bảo hộ các tác phẩm dân gian, họp tại Paris tháng 2 năm 1982, và quy định rằng "các hình thức thể hiện dân gian" được hiểu là các sản phẩm chứa đựng các thành tố đặc thù của di sản nghệ thuật truyền thống được phát triển và duy trì bởi một cộng đồng trong quốc gia hoặc bởi các cá nhân, phản ánh ước vọng nghệ thuật truyền thống của cộng đồng đó. Quy định cũng chỉ ra một số hình thức tác phẩm dân gian nhất định như: "truyện cổ tích dân gian, thơ, câu đố dân gian và các hình thức dân gian khác". Mặc dù đã có sự giải thích về tác phẩm dân gian nhưng hiện vẫn chưa một định nghĩa nào được chấp nhận chung cho tác phẩm dân gian.

+ Các hành vi xâm phạm

Có hai loại hành vi chủ yếu mà các hình thức thể hiện dân gian cần được bảo hộ nhằm chống lại chúng, đó là "Khai thác bất hợp pháp" và "Các hành vi gây tổn hại khác" (Mục 1).

Hành vi "Khai thác bất hợp pháp" tác phẩm văn học dân gian được hiểu trong các Quy định mẫu là bất kỳ việc sử dụng nào được thực hiện nhằm mục đích thu lợi, ngoài phạm vi truyền thống hay tập quán và không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền hoặc cộng đồng liên quan tới nó. Nghĩa là, việc sử dụng, kể cả nhằm mục đích thu lợi, trong phạm vi truyền thống hoặc tập quán thì cũng không phải là đối tượng được phép. Mặt khác, việc sử dụng, kể cả bởi các thành viên của cộng đồng nơi sự thể hiện dân gian được phát triển và duy trì, cũng đòi hỏi phải được đồng ý nếu nó được tiến hành ngoài phạm vi đó và với mục đích thu lợi.

Tuy nhiên, Quy định mẫu không ngăn chặn được các cộng đồng bản địa sử dụng các di sản văn hóa truyền thống của họ theo các cách truyền thống và tập quán, và phát triển nó thông qua việc mô phỏng không ngừng. Quy định mẫu cho phép bất kỳ thành viên nào trong cộng đồng của một quốc gia được tự do nhân bản hoặc trình diễn các hình thức thể hiện dân gian của cộng đồng mình trong phạm vi truyền thống và tập quán của họ, bất kể họ làm việc đó nhằm hoặc không nhằm mục đích thu lợi, thậm chí được thực hiện bằng phương tiện công nghệ hiện đại nếu công nghệ đó được cộng đồng chấp nhận như một trong các phương tiện dẫn tới sự phát triển của nền văn hóa dân gian sống động của họ.

Bên cạnh việc quy định những hành vi nào bị coi là sự xâm phạm tới việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian, Quy định mẫu cũng đã đưa ra bốn trường hợp đặc biệt không cần xin phép, kể cả khi việc khai thác hình thức thể hiện dân gian được thực hiện để lấy tiền và ngoài phạm vi truyền thống hay tập quán. Các trường hợp đặc biệt này không bị coi là hành vi xâm phạm việc bảo hộ, việc quy định này làm cho Quy định mẫu trở nên thực sự là một thiết chế mềm dẻo. Các trường hợp này gồm có:

- ❖ Sử dụng hoặc khai thác nhằm mục đích giáo dục như sử dụng trong

mục đích giảng dạy, các bài giảng của giáo viên trên lớp, các bài tập thuyết trình của sinh viên.

❖ Sử dụng "Bằng cách minh họa" trong bất kỳ tác phẩm gốc nào của một tác giả, với điều kiện việc sử dụng đó thích hợp với thực tiễn hợp lý như được hiểu ở quốc gia liên quan. Ví dụ như bình luận một câu tục ngữ hoặc một bài thơ có thể sử dụng tác phẩm văn học dân gian để minh họa cho bài viết đó.

❖ Khi hình thức thể hiện dân gian được "Vay mượn" để sáng tạo nên tác phẩm gốc của một tác giả. Ngoại lệ quan trọng này phục vụ mục đích cho phép phát triển tự do khả năng sáng tạo cá nhân lấy cảm hứng từ dân gian. Một bài hát được tạo nên dựa trên cảm hứng từ một bài ca dao hay một bộ phim cũng được hình thành dựa trên một câu chuyện cổ tích, truyện ngụ ngôn,...

❖ "Sử dụng ngẫu nhiên", đặc biệt bao gồm việc sử dụng để làm báo cáo về các sự kiện hiện tại và sử dụng các hình ảnh nơi hình thức thể hiện dân gian được đặt cố định tại một địa điểm công cộng.

Các hành vi xâm phạm khác, có hại cho các lợi ích liên quan tới việc sử dụng các tác phẩm văn học dân gian, bao gồm bốn dạng hành vi và là các hành vi chịu các chế tài hình sự. Mục 5 yêu cầu trong tất cả các xuất bản phẩm dạng in và bất kỳ sự truyền bá nào tới công chúng đối với bất kỳ tác phẩm văn học dân gian nào thì nguồn của nó phải được chỉ rõ một cách thích hợp, cộng đồng hoặc địa điểm địa lý nơi phát sinh hình thức thể hiện dân gian được sử dụng. Mục 6 quy định, việc không tuân thủ yêu cầu chỉ dẫn về nguồn sẽ bị phạt. Việc sử dụng không xin phép đối với các tác phẩm văn học dân gian khi việc xin phép là bắt buộc cũng cấu thành hành vi xâm phạm. Điều này được hiểu là, nếu việc sử dụng vượt quá giới hạn hoặc trái với các điều kiện đã được cấp phép thì cũng được coi là hành vi xâm phạm về sử dụng trái phép. Việc lừa gạt công chúng bằng cách tạo ra ấn tượng rằng một vật nào

đó là hình thức thể hiện dân gian của một cộng đồng mà trên thực tế không phải vậy, thì cũng sẽ bị phạt. Việc sử dụng nhằm mục đích công làm méo mó tác phẩm văn học dân gian, với bất kỳ cách thức trực tiếp hay gián tiếp nào "Gây tổn hại tới các lợi ích văn hoá của cộng đồng liên quan", đều là hành vi xâm phạm. Khái niệm "Làm méo mó" bao gồm bất kỳ hành động nào làm sai lệch, cắt xén hoặc làm giảm giá trị của hình thức thể hiện dân gian được công bố, nhân bản, phân phối, trình diễn hoặc truyền bá bằng cách nào đó khác tới công chúng bởi người vi phạm. Tất cả bốn loại hành vi xâm phạm này với điều kiện là đó hành động cố ý. Bên cạnh đó, liên quan tới việc không tuân thủ yêu cầu về chỉ dẫn nguồn và yêu cầu xin phép sử dụng tác phẩm văn học dân gian, Quy định mẫu cũng cho phép xử phạt các hành vi được thực hiện do vô ý. Điều này cũng tính đến bản chất của hành vi vi phạm liên quan và các khó khăn trong việc chứng minh sự cố ý trong các trường hợp bỏ sót.

+ Cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng tác phẩm văn học dân gian

Quy định mẫu quy định cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng tác phẩm văn học dân gian đó là "Cơ quan có thẩm quyền" và "Cộng đồng liên quan" mà không đề cập khái niệm "Chủ sở hữu" tác phẩm văn học dân gian. Các cơ quan này không xử lý vấn đề về quyền sở hữu tác phẩm văn học dân gian vì khía cạnh này có thể được điều chỉnh theo cách thức khác nhau ở quốc gia là khác nhau. Ở một số nước, các tác phẩm văn học dân gian có thể được coi là tài sản quốc gia, ở một số nước khác, quyền sở hữu đối với di sản nghệ thuật truyền thống thuộc về cộng đồng lưu giữ. Ở các quốc gia, nơi mà các cộng đồng thổ dân hoặc cộng đồng truyền thống khác được thừa nhận như là các chủ sở hữu được trao quyền đầy đủ trong việc tùy ý sử dụng văn hóa dân gian của họ, nơi các cộng đồng được tổ chức một cách hiệu quả để quản lý khai thác các tác phẩm văn học dân gian của mình, thì việc sử dụng như vậy có thể được chính cộng đồng đó cho phép. Cộng đồng cấp phép cho người sử

dụng theo cách tương tự như các tác giả cấp phép. Ở các nước khác, nơi di sản nghệ thuật truyền thống của cộng đồng về cơ bản được xem như một phần của di sản văn hóa dân tộc, hoặc nơi mà các cộng đồng liên quan không thể tự quản lý một cách có hiệu quả việc sử dụng các hình thức thể hiện dân gian của mình, thì "Các cơ quan có thẩm quyền" có thể được chỉ định để tiến hành cấp phép dưới hình thức các quyết định theo luật công.

+ Cơ quan giám sát

Tại mục 9 của Quy định mẫu quy định việc chỉ định cơ quan có thẩm quyền giám sát dựa trên sự lựa chọn của các nhà lập pháp. Mục này cũng quy định việc chỉ định một "Cơ quan giám sát" và các hoạt động mà cơ quan này được phép thực hiện. Nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền (với điều kiện cơ quan này đã được chỉ định) là cấp phép sử dụng đối với các hình thức thể hiện dân gian, tiếp nhận đơn xin phép sử dụng, xem xét và quyết định, xác định lệ phí và thu lệ phí sau khi cấp phép. Liên quan tới cơ quan giám sát, Quy định mẫu đưa ra quy định rằng cơ quan giám sát sẽ lập mức lệ phí cho việc cấp phép sử dụng, hoặc phê duyệt định mức phí đó. Tuy nhiên Quy định mẫu không chỉ rõ trong trường hợp này thì ai sẽ đề xuất mức lệ phí. Việc các cơ quan nào trong một quốc gia nhất định sẽ được chỉ định để đảm nhiệm vai trò này sẽ phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống pháp luật hiện hành của quốc gia đó. Giải pháp có thể là thiết lập một cơ quan đặc biệt để thực hiện các nhiệm vụ quy định trong Quy định mẫu và chỉ định một Bộ, ví dụ, Bộ Văn hóa là cơ quan giám sát hay bất kỳ tổ chức nào liên quan tới văn hóa dân gian hoặc cơ quan đại diện của cộng đồng lưu giữ tác phẩm văn học dân gian.

+ Thủ tục cấp phép

Việc cấp phép phải được tiến hành trên cơ sở nộp đơn cho cơ quan có thẩm quyền. Giấy phép có thể mang tính chất "Đơn lẻ" hoặc "Chung". Giấy phép đơn lẻ là giấy phép đặc biệt không theo thể thức, còn giấy phép chung

dành cho những người sử dụng thông thường như các tổ chức văn hóa, nhà hát, nhóm múa ba lê và các tổ chức phát thanh truyền hình.

+ Lệ phí

Quy định mẫu (Mục 10, khoản 2) cho phép, nhưng không bắt buộc, việc thu lệ phí cấp phép. Có thể là việc cấp phép sẽ chỉ có hiệu lực trên cơ sở đã nộp lệ phí hoặc giấy phép cũng có thể được cấp miễn phí. Lệ phí phải nộp cần tuân thủ theo đúng bảng định mức được lập và phê duyệt bởi cơ quan giám sát. Quy định mẫu xác định mục đích sử dụng lệ phí đã thu nhằm thúc đẩy hoặc bảo vệ nền văn hóa dân gian. Trong bất kỳ trường hợp nào, cũng nên bảo đảm dành một tỷ lệ nhất định lệ phí thu được cho cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng lưu giữ tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian đó duy trì và bảo tồn chúng. Khi không có cơ quan thẩm quyền được chỉ định và cả hai việc cấp phép và thu lệ phí đều được thực hiện bởi cộng đồng thì việc sử dụng lệ phí thu được phải được quyết định bởi cộng đồng. Nhà nước cần đảm bảo có sự chia sẻ lợi nhuận bằng cách đánh thuế hoặc đưa ra các biện pháp thích hợp khác.

+ Các chế tài

Quy đinh mẫu đưa ra hai hình thức phạt chủ yếu là phạt tiền và phạt tù. Quy định mẫu không đưa ra bất kỳ hình thức phạt đặc biệt nào đối với các hành vi vi phạm đặc biệt mà chỉ giới hạn ở yêu cầu phải có biện pháp hình sự, dành cho luật quốc gia việc xác định hình thức và mức phạt. Tuy nhiên, đối với biện pháp tịch thu và các hành vi khác, Quy định mẫu có phần quy định rõ ràng hơn. Mục 7 áp dụng đối với bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào liên quan tới cả đối tượng và lợi tức thu được.

- Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở

hữu trí tuệ là một phụ lục của thỏa thuận thành lập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), được ký kết vào ngày 15/4/1994 và có hiệu lực thi hành đồng thời với ngày Tổ chức thương mại thế giới chính thức đi vào hoạt động ngày 01/01/1995.

Hiệp định TRIPS thừa nhận tầm quan trọng của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với hoạt động thương mại và đầu tư, và các thiệt hại đối với các quyền lợi thương mại hợp pháp khi quyền sở hữu trí tuệ không được bảo hộ và thực thi thỏa đáng và hiệu quả. Theo hiệp định TRIPS, bảo hộ trí tuệ là một bộ phận của hệ thống đa quốc gia thuộc WTO. Ngày 1/1/1996 Hội đồng TRIPS đã ký với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) một thỏa thuận nhằm đẩy nhanh việc thực hiện Hiệp định TRIPS với mục tiêu là thúc đẩy việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, và nhằm giảm sự sai lệch và các rào cản trong thương mại quốc tế.

Từ năm 1995, Hiệp định TRIPS đã mang lại những thay đổi căn bản trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Hiệp định TRIPS đã khẳng định lại và mở rộng các chuẩn mực và quy định của Công ước Berne và Công ước Paris, làm thay đổi bộ mặt của Luật Sở hữu trí tuệ vì các nước thành viên WTO thay đổi luật của họ để phù hợp với Hiệp định TRIPS. Ngoài việc đồng nhất hóa về pháp luật, Hiệp định TRIPS còn tiến tới loại bỏ các quy định về hành chính, thủ tục, và kỹ thuật bất lợi cho hoạt động sở hữu trí tuệ quốc tế.

Hiệp định TRIPS đưa ra một danh mục các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm tất cả các phạm trù của sở hữu trí tuệ, từ quyền tác giả và quyền liên quan, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn cho tới các thông tin bí mật. Hiệp định đề ra các nguyên tắc đối xử quốc gia và nguyên tắc tối huệ quốc (bất kỳ sự thuận lợi ưu đãi, đặc quyền hoặc miễn trừ nào được một nước thành viên dành cho công dân của bất kỳ nước nào khác thì ngay lập tức và vô

điều kiện phải được dành cho công dân của các quốc gia thành viên khác).

Điều 9 Thỏa ước TRIPS quy định phạm vi bảo hộ bản quyền bao gồm sự thể hiện, và không bao gồm các ý đồ, trình độ, phương pháp tính hoặc các khái niệm toán học. Thỏa ước TRIPS buộc các quốc gia thành viên WTO phải tuân thủ từ "Điều 1 đến Điều 21 Công ước Berne (1971) và Phụ lục đính kèm". Các điều khoản này bao gồm các nguyên tắc cơ bản của Công ước Paris, thậm chí khi nước này chưa phê chuẩn Công ước Paris. Hiệp định TRIPS đề cập một cách chính xác hơn nguyên tắc "đối xử quốc gia" đã có hiệu lực đối với nhiều quốc gia thành viên Công ước Paris. Cũng như Công ước Paris, Điều 3 Hiệp định TRIPS quy định nguyên tắc có đi có lại giữa các quốc gia thành viên. Mỗi quốc gia thành viên phải dành cho công dân của các quốc gia thành viên khác sự bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ không kém thuận lợi so với sự đối xử dành cho công dân của nước đó.

Ngoài ra, Hiệp định TRIPS cũng quy định các tiêu chuẩn, khả năng bảo hộ, phạm vi và sử dụng quyền sở hữu trí tuệ; thực thi quyền sở hữu trí tuệ; xác lập và duy trì quyền sở hữu trí tuệ; ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp.

- *Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả (WCT)*

Hiệp ước WIPO về bản quyền tác giả (WCT) được thông qua bởi Hội nghị ngoại giao WIPO về một số vấn đề quyền tác giả và quyền liên quan tại Geneva ngày 20/12/1996. Hiệp ước có 25 điều và các điều khoản của Công ước Berne được dẫn chiếu trong Hiệp ước. Hiệp ước quy định bảo hộ cho sự thể hiện của các tác phẩm chứ không bảo hộ cho bản thân ý tưởng, thủ tục, phương thức hoạt động hoặc các khái niệm toán học...Hiệp ước WIPO đề cập đến những vấn đề khác nhau, trong đó QTG đối với tác phẩm văn học dân gian như sau:

+ Tác phẩm VHDG được bảo hộ như các tác phẩm văn học, nghệ thuật theo Công ước Berne.

+ Trong lĩnh vực phân phối, tác giả được hưởng độc quyền cho phép cung cấp tới công chúng bản gốc hoặc bản sao các tác phẩm thông qua việc bán hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu.

+ Tác giả của tác phẩm VHDG được hưởng độc quyền cho phép truyền đạt tới công chúng tác phẩm của họ bằng vô tuyến, hữu tuyến hay hình thức nào mà những thành viên trong xã hội có thể tiếp cận các tác phẩm đó tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

+ Ngoài ra Hiệp ước cũng đưa ra những ngoại lệ và hạn chế đối với việc sử dụng tác phẩm VHDG trong trường hợp đặc biệt cụ thể, không mâu thuẫn đến quyền khai thác bình thường tác phẩm và phương hại đến lợi ích hợp pháp của tác giả.

- *Công ước toàn cầu về bản quyền (UCC*)

Công ước toàn cầu về bản quyền (UCC) ra đời trong hoàn cảnh thế giới hình thành hai hệ thống pháp luật quốc tế về quyền tác giả. Một bên là những nước tham gia Công ước Berne quy định việc bảo hộ được xác lập tự động và một bên là Mỹ và các nước Châu Mỹ - La Tinh đã quy định về việc phải đăng ký nộp lưu chiểu và có dấu hiệu quyền tác giả để được bảo hộ quyền tác giả. Vì vậy, ban đầu họ không tham gia Công ước Berne vì Công ước này công nhận QTG theo nguyên tắc vô điều kiện. Thế nên cần có một số thỏa thuận giữa các quốc gia ban đầu đã đặt ra yêu cầu về bảo hộ QTG và những nước tham gia Công ước Berne. Công ước toàn cầu ra đời năm 1952 cho phép cả hai loại quốc gia trên trở thành thành viên. Công ước này giúp cho các tác phẩm từ các nước thành viên của Công ước Berne có thể được bảo hộ ngay cả ở những nước yêu cầu thủ tục bảo hộ, miễn là các nước thành viên cho biết ký hiệu quyền tác giả, tên của chủ sỡ hữu QTG và năm xuất bản lần đầu tiên. Ngoài việc phải cho biết ký hiệu QTG, Công ước còn một số đặc điểm khác như nguyên tắc đối xử quốc gia và không hồi tố.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

Cũng như các tác phẩm nghệ thuật dân gian khác, tác phẩm văn học dân gian là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân nhằm phản ánh khát vọng của cộng đồng, thể hiện tương xứng đặc điểm văn hoá và xã hội của họ, các tiêu chuẩn và giá trị được lưu truyền bằng cách mô phỏng hoặc bằng cách khác (Khoản 1 Điều 23 Luật Sở hữu trí tuệ 2005). Tác phẩm văn học dân gian là những hình thức sáng tạo vô cùng phong phú, đa dạng của các dân tộc ở Việt Nam nói riêng và các nước trên thế giới chung. Trải qua bao năm tháng thăng trầm của lịch sử nhưng chúng vẫn được duy trì và tồn tại, ngày càng trở nên đa dạng và phong phú hơn. Mỗi một tác phẩm văn học dân gian mang một nét văn hoá đặc trưng khác nhau cho các tộc người trên khắp miền đất nước, chúng thể hiện tình yêu giữa con người với con người, tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước, phong tục tập quán, lối sinh hoạt,... ví dụ như bài ca dao Cày Đồng, truyện cổ tích Sọ Dừa, truyện Trạng Quỳnh, Thánh Gióng... Đó là sự quy tụ những tinh hoa văn hoá của nhân loại, là sự kết tinh những giá trị truyền thống. Vì vậy, việc bảo tồn các tác phẩm văn học dân gian sẽ không giống với việc bảo hộ các hình thức sáng tạo khác. Sự khác nhau này bị chi phối bởi đặc trưng và mục đích của việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian, từ đặc trưng và mục đích bảo hộ đó dẫn tới những quy định về nội dung bảo hộ khác biệt so với những quy định về nội dung bảo hộ của các hình thức bảo hộ khác. Đặc trưng của tác phẩm văn học dân gian là mang tính truyền miệng, dị bản và không có tác giả, đồng thời mục đích bảo hộ tác phẩm văn học dân gian có rất nhiều điểm khác so với các

mục đích bảo hộ của các đối tượng khác, nó sẽ chi phối nội dung bảo hộ chúng. Vậy nên, trước khi nghiên cứu nội dung bảo hộ tác phẩm văn học dân gian ta phải tìm hiểu trước tiên là mục đích bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.

2.1. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

Việc bảo tồn và phát huy những giá trị vốn có của tác phẩm văn học dân gian ở Việt Nam là một việc làm hết sức cần thiết bởi những mục đích rất quan trọng

Trước hết, cũng giống như mục đích chung của các nước trên thế giới khi bảo hộ tác phẩm văn học dân gian, pháp luật Việt Nam có những quy định về bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nhằm duy trì những giá trị truyền thống, nét tinh hoa văn hóa của dân tộc, đồng thời bảo tồn sự phát triển lâu dài, bền vững của tác phẩm văn học dân gian. Hơn nữa, Việt Nam là một nước có bề dày truyền thống, những nét đẹp văn hóa đều được đúc kết và thể hiện qua các tác phẩm văn học dân gian. Mỗi một tác phẩm văn học dân gian là cả một quá trình sáng tạo, là một kho tri thức, một kho kinh nghiệm rất quý báu của ông cha để lại vì thế chúng cần được gìn giữ và được bảo hộ. Bảo hộ, duy trì và phát huy những giá trị vốn có của tác phẩm văn học dân gian cũng giống như bảo vệ đạo đức của cả một xã hội, khích lệ lòng dân, duy trì những nét văn hóa truyền thống của các cộng đồng làng xã tồn tại từ lâu đời, đó là những vốn cổ, là tâm hồn của người Việt không được để mai một. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử ông cha ta đã cố công xây dựng và gìn giữ những áng văn chương bất hủ của dân tộc như ca trù, ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích...chúng đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi con người ở mỗi một vùng miền trên đất nước Việt Nam nói riêng và cả dân tộc ta nói chung. Do đó, chúng ta không thể làm mất đi những

nét đẹp văn hoá mà ông cha ta bao đời nay gây dựng và gìn giữ, mà chúng ta phải bảo vệ những gì được coi là tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Hơn thế nữa, bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nhằm mục đích là duy trì và cân bằng giữa việc chống lại việc lạm dụng, làm tổn hại tới sự phát triển của tác phẩm văn học dân gian đồng thời đảm bảo sự tự do sáng tạo lấy nguồn cảm hứng từ các tác phẩm đó. Đó là việc đảm bảo sự cân bằng giữa một mặt là gìn giữ và một mặt là phát triển chúng. Hiến pháp 1992 của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định:" Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp của mình", "Nhà nước và xã hội bảo tồn và phát triển nền văn hóa Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn; kế thừa và phát huy những giá trị của nền văn hiến các dân tộc Việt Nam.."(Điều 5 Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam).

Bên cạnh đó, một lợi ích quan trọng mà việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian mang lại, đó là những lợi ích kinh tế. Vì vậy, chúng ta cần phải xem xét lợi ích này một cách kĩ lưỡng và phải đề cao chúng. Một đất nước đang phát triển như Việt Nam khi mà tiềm lực về kinh tế chưa mạnh thì ta phải biết dựa vào những tiềm lực khác để phục vụ cho lợi ích kinh tế. Khai thác tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian sẽ đem lại lợi ích này, điển hình là khai thác chúng cho mục đích phục vụ du lịch, những giá trị truyền thống là một lợi thế để thu hút sự quan tâm của du khách nước ngoài, ví dụ như thơ ca dân gian, câu truyện cổ tích, thần thoại được sân khấu hóa,...trong lễ hội Fesstival.Việc khai thác tác phẩm văn học dân gian sẽ đem lại một nguồn thu lớn, một nguồn động lực mạnh cho sự phát triển kinh tế chung của đất nước.

2.2. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

Tác phẩm văn học dân gian mang những đặc trưng rất riêng, đó là tính dị bản, tính truyền miệng, tính nguyên hợp và tính tập thể. Dựa trên những

đặc trưng đó mà điều kiện bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian khác so với các đối tượng khác theo hình thức bảo hộ quyền tác giả.

Thứ nhất, tính dị bản là đặc trưng của tác phẩm văn học dân gian, do đó chúng sẽ không đảm bảo được tính nguyên gốc. Tác phẩm văn học dân gian không bao giờ có thể biết được ai là người đầu tiên sáng tác ra chúng, hiện nay rất nhiều các tác phẩm văn học dân gian giống nhau về nội dung nhưng vẫn có nhiều chi tiết khác nhau ví dụ như địa điểm trong tác phẩm, tên nhân vật, nơi xuất xứ, ... những chi tiết khác nhau đó tạo ra những dị bản khác nhau, tất cả các dị bản đó đều tự động được bảo hộ mà không cần đảm bảo tính nguyên gốc của tác phẩm. Mỗi dị bản đó lại trở thành một tác phẩm văn học dân gian của một cộng đồng làng xã nào đó, không biết đâu là tác phẩm gốc, đâu là tác phẩm được "Cải biên", cũng không biết được ai là tác giả sáng tạo ra chúng bởi đặc trưng của chúng tính truyền miệng, do đó chúng cần được tôn trọng và bảo vệ như nhau.

Thứ hai, bảo hộ tác phẩm văn học dân gian không phụ thuộc vào việc định hình tác phẩm, đây là một điểm khác biệt nữa so với điều kiện bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm sáng tạo khác. Một điều kiện để được bảo hộ quyền tác giả là các tác phẩm phải được thể hiện dưới một hình thức nhất định hay nói cách khác quyền tác giả bảo hộ hình thức sáng tạo, tuy nhiên hình thức chủ yếu một tác phẩm văn học dân gian được lưu truyền đó là truyền miệng, không có một hình thức nhất định nào cho chúng, bởi vậy mà tác phẩm văn học dân gian sẽ được bảo hộ không phụ thuộc vào việc định hình. Các thể loại tác phẩm văn học dân gian thuộc hình thức ngôn từ (truyền miệng), chẳng hạn như một bài thơ người ta có thể đọc và cũng có thể ngâm thơ,...không thể bó buộc một hình thức cố định nào cho chúng, chúng tự động được bảo hộ mà không cần định dạng. Khoản 1 Điều 20 Nghị định 100/2006/NĐ - CP ngày 21/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan đã quy định rất rõ "*Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian được bảo hộ không phụ thuộc vào việc định hình*".

2.3. TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN - ĐỐI TƯỢNG BẢO HỘ

Đối tượng bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian là các tác phẩm văn học dân gian. Không phải mọi tác phẩm văn học dân gian đều được bảo hộ mà chỉ có những tác phẩm dân gian đáp ứng một số tiêu chí nhất định mới là đối tượng bảo hộ của quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Tác phẩm văn học dân gian được bảo hộ khi nội dung của tác phẩm văn học dân gian không vi phạm pháp luật, không vi phạm thuần phong, mĩ tục, đạo đức; không có hại cho quốc phòng, an ninh quốc gia. Nội dung này được xem như là yêu cầu không thể thay đổi không chỉ việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian mà còn là yêu cầu bảo hộ của tất cả các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ và các quan hệ dân sự khác. Đối với tác phẩm văn học dân gian phái sinh thì chỉ được bảo hộ theo nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian được dùng để làm tác phẩm văn học dân gian phái sinh. Sự bảo hộ quyền tác giả được dành cho tác phẩm văn học dân gian đã được thể hiện chứ không dành cho bản thân ý tưởng.

Về mặt lý luận văn học, tác phẩm văn học dân gian bao gồm các thể loại như: Thơ ca dân gian (tục ngữ, câu đố, ca dao, vè, truyện thơ); Truyện cổ dân gian (thần thoại, sử thi, truyền thuyết,, truyện cười, truyện ngụ ngôn); Sân khấu dân gian (chèo, tuông, cải lương) [17].

Về phương diện pháp lý, theo quy định tại khoản Điều 23 Luật SHTT 2005 thì tác phẩm văn học dân gian là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân nhằm phản ánh khát vọng của cộng đồng, thể hiện tương xứng đặc điểm văn hoá và xã hội của họ, các tiêu chuẩn và giá trị được lưu truyền bằng cách mô phỏng hoặc bằng cách khác. Có thể hình dung những đối tượng này nằm ở nhóm sau:

- Loại hình thức thể hiện bằng ngôn ngữ (lời nói): truyện tiếu lâm, ngụ ngôn, sử thi, thần thoại, truyền thuyết, giai thoại, thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố. Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9 sửa đổi, bổ sung Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan quy định về tác phẩm văn học dân gian là các loại hình nghệ thuật ngôn từ như: Truyện, tiếu lâm, ngụ ngôn, sử thi, thần thoại, truyền thuyết, giai thoại, thơ, ca dao, tục ngữ, các hình thức thể hiện tương tự khác." Một loạt những tác phẩm văn học dân gian quen thuộc ví dụ như truyện cổ tích Cây Khế, truyền thuyết Sơn Tinh - Thuỷ Tinh, Lạc Long Quân và Âu Cơ, sử thi Đam San,...

Tác phẩm văn học dân gian là hình thức sáng tạo nghệ thuật ngôn từ cho nên không nhất thiết phải đưa về dạng vật chất, ngôn từ không nhất thiết phải viết ra, và các hình thức thể hiện khác không nhất thiết phải mô tả bằng văn bản.

2.4. XÁC LẬP QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

Cũng giống như các tác phẩm viết khác, việc bảo hộ của QTG đối với tác phẩm VHDG được xác lập tự động ngay sau khi tác phẩm VHDG được hoàn thành, không cần được đánh giá và công nhận, cũng không cần phải thông qua thủ tục cấp bằng bảo hộ nào. Việc nộp đơn để được cấp giấy chứng nhận đăng ký QTG không phải là thủ tục bắt buộc để được hưởng QTG.

Tuy nhiên, việc bảo hộ QTG đối với tác phẩm văn học dân gian được xác lập tự động thì việc cấp giấy chứng nhận QTG đối với tác phẩm VHDG là việc làm cần thiết được nhà nước khuyến khích vì việc đăng ký QTG có ý nghĩa về mặt quản lý nhà nước và chủ thể có giấy chứng nhận QTG đối với tác phẩm VHDG thì được miễn nghĩa vụ chứng minh khi có tranh chấp về QTG trừ trường hợp có chứng cứ chứng minh ngược lại.

2.5. NỘI DUNG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian là những quyền năng mà pháp luật trao cho chủ thể QTG đối với tác phẩm văn học dân gian. Từ các quyền năng đó là cơ sở pháp lý để chủ thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia vào quá trình sáng tạo và khai thác. Việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian dựa trên những đặc trưng và mục đích khác nhau và nói chung vì tác phẩm văn học dân gian có những đặc trưng riêng biệt so với các đôi tượng khác nên mục đích bảo hộ chúng cũng khác so với mục đích bảo hộ các hình thức sáng tạo khác thuộc bảo hộ quyền tác giả. Từ những đặc trưng của tác phẩm văn học dân gian và mục đích bảo hộ chúng mà nội dung bảo hộ các tác phẩm này đặc biệt hơn, không nằm trong nội dung bảo hộ chung của quyền tác giả. Nội dung bảo hộ quyền tác giả bao gồm hai nội dung, đó là quyền nhân thân và quyền tài sản. Tuy nhiên, khi nghiên cứu nội dung bảo hộ tác phẩm văn học dân gian chúng ta không thể nghiên cứu dựa trên hai nội dung đó, mà nội dung bảo hộ của chúng bao gồm:

Thứ nhất, sử dụng tác phẩm văn học dân gian là việc nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu, phổ biến, truyền bá tác phẩm văn học dân gian tới cộng đồng. Và việc sử dụng tác phẩm văn học dân gian phải đảm bảo không được làm sai lệch, xuyên tạc, cắt xén, bóp méo nội dung của tác phẩm. Cũng như không được lợi dụng việc sử dụng tác phẩm văn học dân gian để làm phương hại tới thuần phong mĩ tục của cộng đồng làng xã. Mỗi một tác phẩm văn học dân gian mang những giá trị nhận thức, giá trị nhân đạo, giá trị nghệ thuật sâu sắc. Vì vậy, khi sử dụng chúng phải đảm bảo được sự truyền tải đúng đắn để toát lên những giá trị đó. Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan khẳng định rằng "*sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian là việc nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu giá trị đích thực của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian*". Tuy nhiên ở đây chúng ta cần phải làm rõ hơn thế nào là "giá trị đích thực" của một tác phẩm văn học dân gian. Chưa có một quy định nào làm rõ vấn đề này sẽ gây khó khăn trong việc xác định các vi phạm đối với bảo hộ tác phẩm văn học dân gian.

Thứ hai, sử dụng tác phẩm văn học dân gian phải dẫn chiếu xuất xứ, loại hình tác phẩm văn học dân gian đó và phải chỉ ra địa danh của cộng đồng cư dân nơi tác phẩm văn học dân gian được hình thành. Mỗi một tác phẩm văn học dân gian có rất nhiều những dị bản khác nhau, được lưu giữ ở các cộng đồng khác nhau ví dụ như một câu chuyện cổ tích Sọ dừa có những dị bản nguồn gốc của dân tộc Chăm, có những dị bản nguồn gốc thuộc Campuchia,... Do đó để tránh nhầm lẫn và đảm bảo quyền lợi của cộng đồng lưu giữ thì đòi hỏi người sử dụng phải dẫn chiếu nguồn gốc, xuất xứ hình thành của tác phẩm. Cũng giống như tác giả của một tác phẩm họ có quyền đứng tên tác phẩm mà mình sáng tạo ra. Việc chỉ ra địa danh, xuất xứ của tác phẩm sẽ tạo điều kiện cho việc sử dụng, nghiên cứu tác phẩm văn học dân gian dễ dàng hơn. Như vậy, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về nội dung của tác phẩm và những nét đẹp văn hoá của nơi hình thành ra chúng. Khoản 4 Điều 20 Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan cũng quy định rõ "*Sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian là việc chỉ ra địa danh của cộng đồng dân cư nơi tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian được hình thành"*.

Thứ ba, người sử dụng tác phẩm văn học dân gian phải thoả thuận về việc trả thù lao cho người lưu giữ tác phẩm văn học dân gian và được

hưởng quyền tác giả đối với phần nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu của mình (Khoản 3 Điều 20 Nghị định 100/2006/NĐ - CP ngày 21/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan). Thù lao này sẽ góp phần vào việc khuyến khích và duy trì sự phát triển của tác phẩm văn học dân gian, đảm bảo những điều kiện về mặt kinh tế để cộng đồng tiếp tục lưu giữ chúng. Lưu ý rằng quyền tác giả ở đây là thuộc người nghiên cứu, sưu tầm đối với phần họ nghiên cứu, sưu tầm chứ không phải là với tác phẩm văn học dân gian đó. Ví dụ như tác phẩm Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam do hai nhà nghiên cứu thuộc trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia thuộc Viện văn học là tác giả, do đó hai cá nhân này sẽ được hưởng quyền tác giả đối với cuốn Tuyển tập này, chứ không phải đối với các tác phẩm văn học dân gian nằm trong cuốn sách đó.

2.6. XÁC ĐỊNH HÀNH VI XÂM PHẠM

Những đóng góp quan trọng của tác phẩm văn học dân gian mang lại không chỉ là lợi ích về tinh thần mà còn có cả lợi ích kinh tế, nên bảo hộ tác phẩm văn học dân gian là việc làm cần thiết nhằm tránh những hành vi xâm phạm. Hành vi xâm phạm việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian gồm hai dạng hành vi chính: Khai thác bất hợp pháp và làm sai lệch tác phẩm. Hành vi khai thác bất hợp pháp ở đây được hiểu là sử dụng tác phẩm không trích dẫn loại hình tác phẩm và xuất xứ của cộng đồng dân cư nơi mà tác phẩm được hình thành, không trả thù lao cho cá nhân, cộng đồng lưu giữ tác phẩm đó. Hành vi khai thác bất hợp pháp sẽ làm ảnh hưởng lớn tới việc duy trì sự phát triển của một tác phẩm văn học dân gian, đồng thời làm cho người tiếp nhận, cảm thụ văn học dân gian mất phương hướng và có cách hiểu sai lệch. Hành vi tiếp theo bị nghiêm cấm chính là hành vi làm sai lệch tác phẩm, chính là những hành động cắt xén, bóp méo, sửa chữa, xuyên tạc nội dung tác phẩm,

vi phạm tới giá trị đích thực của tác phẩm, ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục, những nét đẹp văn hóa có từ bao đời nay của cộng đồng dân tộc.

Tuy nhiên chưa có một quy định cụ thể nào của luật trong việc xác định hành vi xâm phạm tới tác phẩm văn học dân gian. Những quy định của Luật Sở hữu trí tuệ đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả là không thích hợp nếu áp dụng cho việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian. Bởi những đặc trưng của tác phẩm văn học dân gian là không có tác giả, nhưng đa số quy định về xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả ở đây đều liên quan tới việc bảo hộ quyền lợi tác giả của tác phẩm. Lấy thử một ví dụ về hành vi xâm phạm đối với tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, khoản 2 Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 có nói hành vi xâm phạm là "Mạo danh tác giả", tuy nhiên nếu là một tác phẩm văn học dân gian thì sẽ có rất nhiều tác giả thuộc các cộng đồng dân tộc khác nhau, thử hỏi ai sẽ mạo danh ai? Do đó luật phải quy định cụ thể hơn vấn đề này.Về mặt này, Quy định mẫu của WIPO và UNESCO quy định về hành vi xâm phạm thực sự rõ ràng, phân chia đầy đủ các dạng hành vi xâm phạm (Mục 1- Quy định mẫu), và những hành vi nào không bị coi là xâm phạm cũng được quy định cụ thể. Chúng ta nên tiếp cận vấn đề này theo những quy định chung của Quy định mẫu.

2.7. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian có thể áp dụng chế tài chung đối với vi phạm về sở hữu trí tuệ: sử dụng các biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự. Những chế tài chủ yếu được áp dụng là phạt hành chính và áp dụng các biện pháp dân sự.

2.7.1. Biện pháp hành chính

Biện pháp hành chính bao gồm: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với những trường hợp bị phát hiện có

hành vi vi phạm hành chính về QTG đối với tác phẩm VHDG; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại, tố cáo quyết định hành chính, hành vi hành chính của cá nhân, cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước về QTG đối với tác phẩm VHDG; Khởi kiện đến tòa Hành chính Tòa án nhân dân để yêu cầu giải quyết vụ án hành chính về QTG đối với tác phẩm VHDG.

Các hình thức xử phạt hành chính bao gồm hình thức phạt tiền và cảnh cáo theo quy định của khoản 1 Điều 214 Luật sở hữu trí tuệ 2005.

Chủ thể áp dụng các biện pháp hành chính là những người có thẩm quyền tại các cơ quan nhà nước bao gồm: Ủy ban nhân dân các cấp; Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hải quan; Quản lý thị trường; Công an nhân dân; Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển.

Một điểm khác biệt giữa biện pháp xử phạt hành chính với hai biện pháp dân sự và hình sự là ngay cả khi chủ thể bị xâm phạm không yêu cầu áp dụng, các cơ quan có thẩm quyền vẫn tiến hành có thể tiến hành xử lý vụ việc.

Biện pháp này có ưu điểm là áp dụng nhanh chóng, đơn giản về mặt thủ tục, tuy nhiên lại có hạn chế do thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính được chia ra cho nhiều cơ quan khác nhau làm cho hoạt động xử lý trở nên phức tạp. Hơn nữa, mức xử phạt hành chính tối đa là 500 triệu đồng nói chung vẫn còn thấp so với giá trị thiệt hại xảy ra nên hiệu quả xử lý, tính răn đe, phòng ngừa không nghiêm.

2.7.2. Biện pháp dân sự

Chủ thể có quyền yêu cầu thực hiện biện pháp này là chủ sở hữu QTG đối với tác phẩm VHDG. Chủ thể áp dụng các biện pháp này là Tòa án nhân dân, Trọng tài thương mại và trung gian hòa giải. Ngoài ra có thể áp dụng đồng thời các biện pháp xử lý hành sự hoặc xử lý vi phạm hành chính.

- Khởi kiện dân sự tại Tòa án nhân dân: Chủ thể có quyền yêu cầu Tòa

án nhân dân áp dụng các hình thức sau: Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; Buộc xin lỗi, cải chính công khai; Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; Buộc bồi thường thiệt hại; Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh tác phẩm VHDG xâm phạm QTG với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể QTG.

- Yêu cầu Trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp: Chủ sở hữu tác phẩm văn học dân gian được phép khởi kiện ra trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi cho rằng QTG của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài chỉ trong phạm vi tranh chấp về kinh doanh thương mại, chứ không giải quyết các tranh chấp dân sự. Vì vậy, các vụ việc tranh chấp về QTG đối với tác phẩm VHDG mà cả hai bên là cá nhân không đăng ký kinh doanh, không có mục đích kinh doanh thì không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài.

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp về QTG đối với tác phẩm VHDG chỉ thuộc thẩm quyền của Trọng tài khi có thỏa thuận trước và thỏa thuận này không bị vô hiệu. Đó là một điểm khác với hình thức khởi kiện ra Tòa án nhân dân.

- Trung gian hòa giải là việc sử dụng một bên có kiến thức kinh nghiệm về QTG đối với tác phẩm văn học dân gian để làm trung gian hòa giải khi có tranh chấp xảy ra. Ưu điểm của biện pháp này trong việc giải quyết tranh chấp về quyền SHTT nói chung và QTG đối với tác phẩm VHDG là đáng quan tâm vì có thể sử dụng trong bất kỳ gia đoạn nào của tranh chấp, thủ tục khá đơn giản và ít tốn kém chi phí. Tuy nhiên việc sử dụng trung gian hòa giải hiện nay chưa phổ biến ở nước ta trong giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại và chỉ có hiệu quả khi cả hai bên tranh chấp tự giác thực hiện.

2.7.3. Biện pháp hình sự

Điều 212 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự. Đây là quy định thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật sở hữu trí tuệ và pháp luật hình sự trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Tương tự các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt hành chính, các hành vi xâm phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự cũng chủ yếu tập trung vào hai nhóm: xâm phạm quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Riêng hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian, chủ thể yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự là chủ sở hữu quyền tác giả phát hiện hành vi xâm phạm pháp luật hình sự về QTG đối với tác phẩm văn học dân gian. Cơ quan duy nhất có thẩm quyền áp dụng biện pháp hình sự là Tòa án nhân dân. Điều 170b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự đã bổ sung tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan thay thế điều 131 của Bộ luật Hình sự hiện hành. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự quy định chỉ xử lý về hình sự đối với hành vi xâm phạm QTG đối với tác phẩm văn học dân gian với quy mô thương mại và giới hạn trong hai nhóm hành vi: sao chép tác phẩm VHDG và phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm. Nhưng việc sử dụng biện pháp hình sự rất khó thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm VHDG trong thực tiễn. Bởi chủ thể vi phạm là các pháp nhân, tổ chức, các doanh nghiệp kinh doanh sách trong khi đó Bộ luật Hình sự lại không xử lý hình sự đối với trường hợp pháp nhân, tổ chức có hành vi vi phạm.

2.7.4. Biện pháp kiểm soát biên giới

Sử dụng biện pháp kiểm soát biên giới trong việc phát hiện và ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là việc làm cần thiết và quan trọng. Biện pháp này được quy định bởi các Công ước quốc tế về sở hữu trí

tuệ như Công ước Paris 1883, sửa đổi 1967; Hiệp định TRIPS. Nhằm đáp ứng các yêu cầu của các cam kết quốc tế cũng như đa dạng hóa các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 cũng đã có quy định về biện pháp này. Theo quy định tại Điều 216 và Điều 217 Luật SHTT, cơ quan Hải quan có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến SHTT: Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm SHTT; hoặc kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính. Trong khi đó, kiểm tra giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp được tiến hành theo đề nghị của của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan.

Với cơ chế kiểm soát biên giới, tất cả hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới đều có thể bị kiểm tra, giám sát và nếu có dấu hiệu vi phạm quyền sở hữu trí tuệ thì có thể bị tạm dừng thủ tục hải quan và bị thu giữ. Trong trường hợp này, cơ quan Hải quan có quyền và có trách nhiệm áp dụng biện pháp hành chính để xử lý. Nếu trường hợp sau khi đã hoàn thành các thủ tục thông quan rồi mới phát hiện ra vi phạm, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có thể áp dụng các biện pháp khác để bảo vệ quyền lợi của mình.

2.8. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu văn học thì tác phẩm văn học dân gian là những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ mang tính tập thể dựa trên nền tảng

văn hóa truyền thống nhằm phản ánh khát vọng của cộng đồng. Các thể loại văn học dân gian vô cùng phong phú và đa dạng bao gồm các thể loại: Truyện cổ dân gian, Thơ ca dân gian, Sân khấu dân gian.

Vì vậy, khi chúng ta ban hành pháp luật cũng phải dựa trên thực tiễn cuộc sống, do vậy những gì là vốn có mà tác phẩm văn học dân gian đem lại và tồn tại đến ngày nay, chúng ta không được phủ nhận nó. Nhận thức được tầm quan trọng này, nhà nước đã ban hành nhiều chương trình quốc gia về bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa phi vật thể, nhiều dự án điều tra, bảo quản, sưu tầm, biên dịch, xuất bản kho tàng văn học dân gian hứa hẹn nhiều thành quả tốt đẹp. Tuy nhiên việc bảo hộ chúng gặp rất nhiều khó khăn, bởi cơ chế thị trường với mặt trái của nó và việc giao lưu, hội nhập đã xuất hiện những động cơ vụ lợi, làm biến dạng, băng hoại những giá trị văn hóa phi vật thể mà trong đó có tác phẩm văn học dân gian.

Hơn nữa, chúng ta khó xác định được ai là tác giả của những tác phẩm đó, vì các tác phẩm văn học dân gian được sáng tác từ rất lâu đời, chúng được lưu truyền dưới hình thức truyền miệng và có rất nhiều dị bản Ngoài ra nếu tác giả của những tác phẩm văn học dân gian đó chết mà không có người kế thừa thì những tác phẩm đó dễ bị thất truyền.

Mặt khác, nếu như trong văn học viết việc phản ánh thực tại diễn ra trong ý thức cá nhân của nhà văn với những hình thức do chính nhà văn lựa chọn thì trong văn học dân gian, sáng tạo của cá nhân không trở thành của riêng cá nhân đó mà là những hoạt động tinh thần mang tính chất xã hội. Chúng tồn tại dưới nhiều dạng, có những hình thức thể loại và sinh hoạt văn học dân gian phổ biến, lưu truyền rộng rãi và có những tác phẩm truyền thống của từng địa phương, từng vùng nhất định..ví dụ Dân ca Huế, hát Dặm Nghệ Tĩnh,..rất nhiều những nghệ nhân góp phần tạo nên sắc thái của chúng. Vì vậy, không thể bảo hộ độc quyền cho một cá nhân hay một nhóm người nào.

Và một trong những điều kiện tiên quyết cho việc bảo hộ quyền tác giả, thứ nhất phải là một tác phẩm nguyên gốc. Tuy nhiên đối với tác phẩm văn học dân gian thì không thể đảm bảo được tính nguyên gốc do có nhiều dị bản nằm rải rác ở các cộng đồng làng xã khác nhau, chẳng hạn như hai câu ca dao sau:

"Đường vô xứ nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ"
Với " Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ".

Bởi vậy, yêu cầu trong sáng tác tác phẩm văn học dân gian phải "độc đáo" là một rào cản. Vì trong văn học dân gian cái riêng được nhận thức qua cái chung không như trong sáng tác văn học thành văn cái chung được nhận thức qua cái "độc đáo". Chúng phải là một tác phẩm văn học dân gian dễ hiểu, dễ ghi nhớ đồng thời nó chỉ dựa trên những kinh nghiệm vốn có của cha ông ta trong đời sống sinh hoạt hàng ngày rất thuần nông vì thế nó khó đáp ứng điều kiện " độc đáo". Thứ hai, tác phẩm phải được ghi lại hoặc bằng văn bản trong một hình thức hoặc hữu hình, nhưng đối với tác phẩm văn học dân gian cũng không đáp ứng yêu cầu này vì đặc trưng của nó là tính truyền miệng và tính nguyên hợp. Đồng thời, thời hạn bảo hộ theo hệ thống bản quyền là hết sức không đủ.

Hơn nữa, tình trạng vi phạm bản quyền tác phẩm VHDG hiện nay không chỉ xảy ra với một nước nào trên thế giới mà là mối lo ngại của tất cả các quốc gia nói chung. Tính toàn cầu của công tác thực thi bảo hộ QTG đối với tác phẩm VHDG buộc chúng ta phải gắn liền việc bảo hộ tác phẩm VHDG ở Việt Nam trong bối cảnh chung của thế giới. Tác phẩm văn học dân gian bị xâm phạm một cách nghiêm trọng, nhưng chưa có những quy định thực sự phù hợp để bảo vệ chúng. Bởi lẽ một tác phẩm dân gian là công trình sáng tạo bằng miệng của cả một tập thể cộng đồng, được lưu giữ, diễn xướng cũng qua hình

thức truyền miệng nên chúng có đặc thù là tính dị bản. Và vì là truyền miệng nên mỗi người đều (có quyền) cải biên đi một tí chút và cái sự "cải biên" này của mỗi người cũng hoàn toàn được cộng đồng chấp nhận. Do đó, việc xác định thế nào là "cải biên", thế nào là "giữ nguyên gốc"; thế nào là "copy", thế nào là "sáng tạo"; thế nào là "xâm phạm, bóp méo", thế nào là "làm giàu vốn cổ"... là chuyện rất khó [1]. Ví dụ, thời gian gần đây nổi lên việc tranh cãi kết thúc của câu chuyện cổ tích vốn quen thuộc với chúng ta:" Tấm Cám". Có một dị bản khác thì kết thúc câu chuyện này là Tấm ướp xác Cám làm mắm cho mụ dì ghẻ ăn; rồi truyện kể về ngôi chùa Hang ở An Giang có đến tám bản kể về sự tích ngôi chùa nằm ẩn mình nơi thâm sơn cùng cốc chứa đựng những sự tích hết sức sống động. Truyện về *Chùa Hang* (8 bản kể), ngôi chùa ở vùng núi Sam linh thiêng, nói đến sự tôn sùng đạo hạnh, lẽ mầu nhiệm của Phật pháp với huyền thoại rắn nghe kinh (đôi "Thanh xà, Bạch xà", "Người đẹp chùa Hang" mang màu sắc hoang đường; Đến truyện Đá vọng phu trên cơ sở đề tài anh em ruột láy nhầm nhau và hình tượng chung về người vợ trông chồng hóa đá, khi di chuyển đến Lạng Sơn, Thanh Hóa và Bình Định lại được cụ thể hóa bằng những nét riêng. Một lần nữa lại băn khoăn giữa đâu là đúng đâu là sai, đâu là cải biên đâu là xuyên tạc, bóp méo?

Ngoài ra, rất nhiều người lợi dụng các tác phẩm văn học dân gian để phục vụ những mục đích, ý đồ xấu của mình.

Sự lan tỏa của truyện chế, xuyên tạc, bóp méo lịch sử vô hình cũng trở thành thứ "độc dược" làm xấu đi nền văn hóa dân tộc, từ lâu vốn là những viên ngọc quý làm giàu cho văn chương Việt, tâm hồn Việt, giờ đây được xuyên tạc gây ô nhiễm ngôn ngữ Tiếng Việt. Đó là những tác phẩm được nhào nặn dựa trên những câu chuyện cổ tích, những áng văn chương bất hủ vốn là tinh hoa văn hóa của dân tộc như truyện Thánh Gióng, Sơn Tinh - Thủy Tinh, Mỵ Châu - Trọng Thủy, Truyện Kiều... Từ ngữ sử dụng

đa phần là khẩu ngữ hoặc tiếng lóng nên nhanh chóng được giới trẻ truyền tai nhau. Những nhân vật vốn đã ăn vào tiềm thức đẹp của người dân Việt, khi xuất hiện trên mạng, lại mang một diện mạo khác, các nhân vật này bị biến thành trò hề. Chẳng hạn, trong truyện chế Sơn Tinh - Thủy Tinh, hai nhân vật này bị biến thành sơn tặc và hải tặc. Công chúa Mỵ Nương được miêu tả là một người con gái vô cùng xinh đẹp nhìn rất "phê". "Da trắng như da con gái mịn màng như da trẻ con do nàng thường xuyên dùng Dove, mái tóc đen mượt thơm mùi Rejoy, thân hình rất chi là mũm mĩm do uống sữa cô gái Hà Lan hơi nhiều, hàm răng trắng bóng, mỗi lần nàng cười là đến Jang Dong Gun tận Hàn Quốc xa xôi cũng va vào cột điện. Sở thích của nàng ta là thích đến vũ trường, cuối tuần cưỡi con Dylan vi vu, online chatting, thần tượng là David Beckham và Britney Spears chắc vì thế mà hay mặc áo hở rốn, nhảy tưng tưng. Do ham chơi nên năm 18 tuổi nàng mới tốt nghiệp lớp mẫu giáo lớn". Việc chế lại một bài thơ, một câu chuyện như vậy không chỉ là làm méo mó, sai lệch nội dung tác phẩm mà còn vi phạm luật tác quyền. Vì vậy, để gìn giữ áng văn thơ cổ của dân tộc không bị mai một, bị cắt gọt cần có một giải pháp bảo vệ.

Có nhiều ý kiến yêu cầu phải trả tiền bản quyền khi sử dụng tác phẩm văn học dân gian, nhưng thực tế đó là điều vô cùng khó khăn. Ví dụ như Quan họ Bắc Ninh. Chủ thể sáng tạo lưu giữ Quan họ Bắc Ninh là cộng đồng hiện nay có 49 làng, trong Quan họ có rất nhiều yếu tố dân ca ở các vùng khác, thậm chí nó còn có cả yếu tố của nghệ thuật biểu diễn của chèo, tuồng, và gần đây, các nhà khoa học còn phát hiện ra rằng nó có yếu tố của nhạc Chăm. Một thí dụ khác, có những câu ca dao như: Cày đồng giữa buổi ban trưa/ Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày. Câu này nếu truy tận gốc thì là... một bài thơ Đường. Nếu tính chuyện trả tiền bản quyền văn học dân gian thì phải trả cho ông Lý Thân người Trung Quốc. Bây giờ đòi trả bản quyền thì phải tìm ông ấy để trả.

Không nói gì tới những vấn đề phức tạp như trả tiền bản quyền hay trả thù lao cho cộng đồng lưu giữ, một vấn đề hết sức đơn giản nhưng vẫn bị bỏ qua đó là rất nhiều người sử dụng tác phẩm văn học dân gian không trích dẫn nguồn gốc, xuất xứ nơi hình thành tác phẩm, hoặc ví chăng có trích dẫn nhưng trích dẫn nhầm hoặc cũng do không biết xác định xuất xứ của tác phẩm văn học dân gian ấy như thế nào. (Ví dụ Lễ khai Ấn đền Trần đầu năm nay còn rất nhiều tranh cãi về nguồn gốc có hay không Lễ khai Ấn ở Nam Định, có ý kiến còn cho rằng đó là sự "xuyên tạc lịch sử"- TS. Nguyễn Hồng Kiên - Viện Khảo cổ học Việt Nam). Nhưng cũng không có ai lên tiếng về việc sử dụng mà không cần xin phép như thế.

Chưa có một cơ quan nào giám sát việc thực thi bảo hộ tác phẩm văn học dân gian. Cũng chưa có ai đứng ra bảo vệ cho sự phát triển lành mạnh của các tác phẩm văn học dân gian. Rất nhiều câu hỏi đang đặt ra mà chưa có câu trả lời: Có nên thu phí bản quyền cho việc sử dụng tác phẩm văn học dân gian hay không? Nếu có thì nên phân chia như thế nào? Có phải thu thuế không? Có cấp phép sử dụng không? Ai là người cấp phép? Những chế định bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian tỏ ra thực sự không phù hợp khi mà có rất nhiều người họ cũng không biết là Luật Sở hữu trí tuệ của chúng ta có những quy định về bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nói riêng và tri thức truyền thống nói chung. Đơn giản bởi vì những quy định đó không có sự rõ ràng, cụ thể cũng không có một văn bản hướng dẫn thi hành nào về vấn đề bảo vệ tác phẩm văn học dân gian. Sự thiếu kinh nghiệm về hệ thống thủ tục hiện hành, sự phụ thuộc vào kinh tế, thiếu tiếng nói chung trong nhiều trường hợp là thiếu chính sách của nhà nước liên quan tới việc khai thác tác phẩm văn học dân gian dẫn tới việc các cộng đồng dân tộc bị đặt vào thế bất lợi. Mặt khác việc thiếu vắng các quy tắc rõ ràng về bảo hộ tác phẩm văn học dân gian tạo ra những rủi ro trong lợi ích kinh doanh tác phẩm văn học dân gian.

Qua phân tích những nội dung cơ bản của QTG đối với tác phẩm văn học dân gian thực tiễn áp dụng việc bảo hộ QTG đối với tác phẩm VHDG tại nước ta kể từ khi Luật SHTT ban hành cho thấy hệ thống các văn bản điều chỉnh quan hệ về QTG đối với tác phẩm VHDG đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể và những người liên quan trong quá trình tham gia vào nghiên cứu, sưu tầm và sử dụng tác phẩm văn học dân gian. Tuy nhiên, cũng như phân tích trên, sau hơn năm năm thực hiện luật SHTT đã xuất hiện những vấn đề bất cập xuất phát từ những nguyên nhân khác nhau nên cần phải được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với đặc thù riêng của tác phẩm văn học dân gian.Từ thực tiễn bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nói trên chúng ta phải đặt ra một số giải pháp ngăn chặn những ảnh hưởng không tốt tới việc duy trì và bảo vệ tác phẩm văn học dân gian.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Bảo hộ QTG đối với tác phẩm văn học dân gian là vấn đề không chỉ riêng quốc gia nào. Tuy nhiên, đối với nước ta bảo hộ QTG đối với tác phẩm văn học dân gian là một vấn đề nan giải. Đặt trong hoàn cảnh nước ta hiện nay thì việc xóa bỏ hoàn toàn vi phạm QTG đối với tác phẩm văn học dân gian là không khả thi mà chỉ tìm ra giải pháp hạn chế và giảm vi phạm quyền tác giả xuống mức hợp lý nhất. Do đó, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian và nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo vệ như sau:

3.1. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

3.1.1. Một số vấn đề cần lưu ý khi xem xét việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian

Tác phẩm văn học dân gian đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của các cộng đồng dân tộc trên khắp nước Việt Nam từ xưa đến nay. Chúng tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, có thể nói mỗi một tác phẩm văn học dân gian là mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Tuy nhiên, đứng trước thực trạng khi mà chính sách bảo hộ không đủ để giúp cho việc duy trì sự tồn tại và phát triển một cách lành mạnh của các tác phẩm văn học dân gian như hiện nay. Vì vậy, chúng ta cần phải đẩy mạnh hơn nữa trong việc tìm ra giải pháp để góp phần bảo vệ và gìn giữ tốt hơn các tinh hoa văn hóa của dân tộc, tránh cho những tác phẩm đó không bị mai một và mất dần giá trị vốn có.

Hơn nữa, tác phẩm văn học dân gian của mỗi dân tộc là một trong những thành tựu văn hóa, thành tựu nghệ thuật quan trọng nhất làm cơ sở cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa và nghệ thuật của dân tộc đó. Vì vậy, để góp phần bảo hộ các tác phẩm văn học dân gian nói riêng và tri thức truyền thống nói chung đồng thời để đưa ra những giải pháp thoả đáng, phù hợp chúng ta nên xem xét một số vấn đề cần thiết trong việc bảo hộ một tác phẩm văn học dân gian như sau:

Thứ nhất, tác phẩm văn học dân gian là một tác phẩm mang những đặc trưng vô cùng đặc biệt với đặc thù không xác định được đích danh tác giả là ai và được lưu truyền bằng miệng là chủ yếu, vì thế mang tính dị bản. Do đó khi bảo hộ một tác phẩm văn học dân gian chúng ta phải làm sao để bảo vệ một cách bao quát nhất các tác phẩm này.

Thứ hai, vì những đặc trưng của văn học dân gian là sáng tác tập thể, được lưu truyền bằng miệng và có nhiều dị bản nên việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian theo hình thức nào cho phù hợp chúng ta phải cân nhắc. Đồng thời cân bằng được giữa việc tránh bóp méo, làm sai lệch tác phẩm văn học dân gian và đảm bảo sự sáng tạo của tác phẩm là việc làm cần thiết. Có nghĩa là phải tìm ra một hình thức bảo hộ tác phẩm văn học dân gian cho phù hợp, có như vậy mới đảm bảo được sự bảo hộ và phát triển lành mạnh tác phẩm vừa tránh được sự kìm hãm sự phát triển, khuyến khích tự do sáng tạo của những cá nhân, tập thể khi khai thác chúng. Tuy nhiên, tác phẩm văn học dân gian có những đặc trưng không giống những tác phẩm tri thức truyền thống khác nên có thể không nhất thiết phải bó buộc việc bảo hộ dưới một hình thức khuôn mẫu nhất định.

Thứ ba, việc cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng: Khi pháp luật có quy định phải có sự cấp phép thì mới được sử dụng thì phải quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền cấp phép hay việc cấp phép giao cho cộng đồng lưu

giữ tác phẩm đó, lệ phí cấp phép (nếu có), thiết nghĩ cũng nên có một cơ quan được giao trọng trách này.

Thứ tư, quy định rõ các dạng hành vi xâm phạm tới bảo hộ tác phẩm văn học dân gian từ đó sẽ xác định được chế tài phù hợp với hành vi xâm phạm đó. Việc xác định hành vi xâm phạm là một vấn đề cốt lõi của việc bảo vệ một tác phẩm văn học dân gian, dựa trên các dạng hành vi xâm phạm mà ta có thể thực hiện sự bảo vệ một cách dễ dàng, đồng thời không gặp khó khăn khi xác định thiệt hại, làm căn cứ để áp dụng chế tài xử phạt hợp lý.

3.1.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian

Tác phẩm văn học dân gian đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của các cộng đồng dân cư trên khắp đất nước Việt Nam. Sự ra đời và tồn tại của tác phẩm văn học dân gian còn được lưu truyền cho đến ngày nay và phát triển cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, đứng trước thực trạng khi những chính sách bảo hộ hiện tại không đủ để duy trì sự tồn tại và phát triển một cách lành mạnh của các tác phẩm văn học dân gian. Vì vậy, chúng ta cần phải đẩy mạnh hơn nữa trong việc tìm ra giải pháp hữu hiệu góp phần bảo vệ tốt hơn các giá trị tinh hoa văn hóa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, tâm hồn Việt.

Trên cơ sở đã nêu trên, pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian cần phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội nước ta hiện nay. Từ những vấn đề cần xem xét, tôi có một vài quan điểm trong việc tìm ra giải pháp bảo hộ tác phẩm văn học dân gian như sau:

Thứ nhất, tác phẩm văn học dân gian được sáng tác và tồn tại bằng phương thức truyền miệng nên chúng có rất nhiều dị bản khác nhau. Vì vậy, để tránh chồng chéo và không bị nhầm lẫn trong việc bảo hộ tác phẩm văn

học dân gian thì ta nên bảo hộ các nội dung của tác phẩm, tức là "cốt truyện", như vậy mới đảm bảo được tính bao quát toàn bộ tác phẩm, bảo hộ được tất cả các dị bản khi ta căn cứ vào một cái cốt chung, thống nhất đó. Mặc dù trong mỗi tác phẩm có một vài tình tiết khác nhau nhưng nếu chúng vẫn đảm bảo được cái "cốt" thì chúng đương nhiên được bảo hộ, chúng ta cũng đảm bảo được sự phát triển toàn vẹn của một tác phẩm, đồng thời cũng không kìm hãm sự sáng tạo của người khai thác và sử dụng chúng.

Mặt khác, theo quy định về điều kiện bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm nói chung của Luật Sở hữu trí tuệ 2005 là tính nguyên gốc và hình thức sáng tạo. Tuy nhiên đối với tác phẩm văn học dân gian không thể bảo hộ theo hình thức bảo hộ cũ được. Nếu đáp ứng điều kiện bảo hộ tác phẩm văn học dân gian phải đảm bảo tính nguyên gốc thì thuộc tính truyền miệng và dị bản sẽ không còn là đặc trưng cố hữu nữa. Mặt khác, quyền tác giả không bảo hộ nội dung tác phẩm nên khi đặt ra vấn đề bảo hộ "cốt truyện" tức là sẽ không áp dụng hình thức bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học dân gian. Hình thức của tác phẩm văn học dân gian (đặc biệt là loại hình ngôn từ) hầu hết là không thể xác định, trong khi đó nội dung của chúng đôi khi cũng không hề khác nhau (khác nhau chủ yếu ở các chi tiết phụ: hoàn cảnh, địa điểm,..). Do đó chúng ta nên bảo hộ nội dung của các tác phẩm văn học dân gian, chỉ cần người sử dụng không làm sai lệch nội dung đó thì sẽ không có hành vi vi phạm.

Thứ hai, mỗi đối tượng bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nên có những quy định bảo hộ riêng để phù hợp với đối tượng đó, bởi vì mỗi nhóm đối tượng lại có những đặc trưng khác nhau. Chúng ta nên học tập những quy định của Quy định mẫu, một số quy định về cơ quan cấp phép, cơ quan giám sát, hành vi xâm phạm, chế tài xử phạt. Tách hẳn quy định về bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nói riêng và bảo hộ tri thức truyền thống nói chung

thành một chương riêng trong Luật Sở hữu trí tuệ. Điều này là cần thiết khi bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Tác phẩm văn học dân gian có đặc thù riêng không giống như những hình thức bảo hộ khác và chúng không có khuôn mẫu.

Thứ ba, phải thiết lập một cơ quan có thẩm quyền đứng ra đại diện việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian nói riêng và tri thức truyền thống nói chung trực thuộc Cục Bản quyền. Cơ quan này sẽ kiêm luôn vai trò cấp phép sử dụng tác phẩm văn học dân gian cũng như hoạch định các chính sách phù hợp để bảo tồn và phát triển tác phẩm văn học dân gian. Ngoài ra, việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian cũng cần phải được đăng kí, cộng đồng nào muốn tác phẩm của mình được bảo hộ thì cần phải đăng kí với cơ quan đó, phải đưa ra các căn cứ chứng minh rằng tác phẩm đó thuộc sở hữu của cộng đồng mình. Hơn nữa, mỗi cộng đồng có tác phẩm văn học dân gian sẽ ủy quyền cho cơ quan chức năng đứng đầu cộng đồng mình làm đại diện đăng kí và đồng thời cơ quan này sẽ được thu phí sử dụng tác phẩm văn học dân gian nói riêng và tri thức truyền thống nói chung. Những phí đó được dùng cho việc gìn giữ và duy trì, phát triển tác phẩm đó. Cơ quan trực thuộc Cục sẽ làm nhiệm vụ giám sát việc thực thi các quy định liên quan tới việc sử dụng, thu phí của cơ quan đại diện cho cộng đồng lưu giữ tác phẩm đó. Các cá nhân, tổ chức muốn sử dụng phải được sự đồng ý của cộng đồng nơi tác phẩm được hình thành và đồng thời phải xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền ở cộng đồng làng xã đó. Trong khi sử dụng bắt buộc phải trích dẫn hình thức và xuất xứ của tác phẩm. Cách thức này cũng đã được Công ước Berne đề cập tới:"*Trong trường hợp những tác phẩm chưa xuất bản mà chưa biết ai là tác giả, nhưng có đủ cơ sở để cho rằng tác giả là công dân một nước thành viên Liên hiệp, thì luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp có khả năng chỉ định một cơ quan có thẩm quyền đại diện cho tác giả và có thẩm quyền bảo hộ, thực thi quyền tác giả trong các nước thành viên Liên hiệp"(điểm a, khoản 4, Điều 15 Công ước Berne).*

Thứ tư, chúng ta nên học tập một số quy định của Quy định mẫu gồm có hai dạng hành vi "khai thác bất hợp pháp" và "các dạng hành vi khác" và quy định cụ thể hơn về hành vi xâm phạm bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Hành vi "Khai thác bất hợp pháp" tác phẩm văn học dân gian được hiểu là trong bất kỳ việc sử dụng nào được thực hiện nhằm mục đích thu lợi, ngoài phạm vi truyền thống hay tập quán và không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền hoặc cộng đồng liên quan tới nó. Các hành vi gây tổn hại khác, có hại cho các lợi ích liên quan tới việc sử dụng các tác phẩm văn học dân gian ví dụ như là: sử dụng vượt quá giới hạn hoặc trái với các điều kiện đã được cấp phép thì cũng được coi là hành vi xâm phạm về sử dụng trái phép, xuất bản phẩm dạng in và bất kỳ sự truyền bá nào tới công chúng đối với bất kỳ tác phẩm văn học dân gian nào có thể nhận biết được, thì nguồn của nó phải được chỉ rõ một cách thích hợp, thông qua việc lưu ý về cộng đồng hoặc địa điểm địa lý nơi phát sinh hình thức thể hiện dân gian được sử dụng. Việc sử dụng nhằm mục đích công làm méo mó tác phẩm văn học dân gian, với bất kỳ cách thức trực tiếp hay gián tiếp nào "gây tổn hại tới các lợi ích văn hoá của cộng đồng liên quan", đều là hành vi xâm phạm,...Và cũng phải loại trừ một số hành vi không coi là xâm phạm tới việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian.

Thứ năm, với đặc trưng riêng của tác phẩm văn học dân gian, vì vậy cần quy định những hành vi nào là hành vi xâm phạm quyền tác giả và phải liệt kê ra cho cụ thể, từ đó xác định các chế tài thích hợp, phần chế tài này có thể sử dụng chung của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nếu cần thiết thì vẫn có thêm những quy định cụ thể nằm trong phần quy định về bảo hộ tác phẩm văn học dân gian và tri thức truyền thống.

3.2. CÁC KIẾN NGHỊ CHỦ YẾU ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

3.2.1. Nâng cao năng lực kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian

Thứ nhất, công tác thanh tra, kiểm tra có vai trò to lớn trong việc phát hiện và ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm VHDG. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác này để thanh kiểm tra các cá nhân, đơn vị tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh sách cũng như việc nghiên cứu sưu tầm tác phẩm văn học dân gian. Tuy nhiên hiện nay việc thanh kiểm tra mới được tiến hành tại các Thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, … Thực tế cho thấy qua những đợt kiểm tra, thanh tra thì hành vi xâm phạm đã được đẩy lùi một bước, nhưng nếu không làm thường xuyên, không đồng bộ thì không hiệu quả.

Thứ hai, khuyến khích sử dụng tác phẩm văn học dân gian trong các hoạt động hành chính của nhà nước, hoạt động nghiên cứu, giảng dạy trong nhà trường cũng như nhu cầu sử dụng cá nhân thay vì sử dụng tác phẩm văn học dân gian bất hợp pháp. Như vậy thì tác phẩm văn học dân gian mới được bảo tồn và phát triển nét đẹp văn hóa của dân tộc. Nhà nước cũng đã có chính sách tăng cường và khuyến khích phát triển nền văn học dân tộc thông qua các hình thức: thành lập câu lạc bộ Ca trù, hát Chèo tàu, hát Dô, hát Dặm, ca Huế; Nhiều dự án sưu tầm, bảo quản, biên dịch đạt kết quả như sưu tầm và nghiên cứu sử thi Tây Nguyên,…; Trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân bàn tay vàng", "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân dân gian",….

3.2.2. Nâng cao ý thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng

Cần tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng bằng các biện pháp sau:

Thứ nhất, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng bằng các hình thức phong phú, đa dạng như: tổ chức các hội thi sân khấu hóa, cuộc tọa đàm, diễn đàn, hội thảo…nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức và người dân ý thức chấp hành pháp luật, cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian.

Thứ hai, mặc dù trong các Trường Cao Đẳng, đại học về chuyên ngành đã đưa vào giảng dạy từ lâu, tuy nhiên việc đưa nội dung này vào giảng dạy đại cương tại các ngành thuộc lĩnh vực xã hội là cần thiết. Phổ biến quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian trên sách, báo, tạp chí …công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những thiệt hại do vi phạm gây ra để người sử dụng nhận thấy được tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian.

Thứ ba, đa dạng hóa các hình thức đào tạo về nội dung và phong phú về hình thức, khai thác triệt để các phương tiện trợ giúp giảng dạy và học tập, đặc biệt là sử dụng Internet, tăng cường hệ thống đào tạo từ xa.

Thứ tư, ngoài ra, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần tổ chức tư vấn miễn phí cho các cá nhân và doanh nghiệp về vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian, giúp họ hiểu thế nào là vi phạm và hậu quả của việc vi phạm. Tổ chức tư vấn cần được thành lập và quy tụ thành mạng lưới.

3.2.3. Nâng cao năng lực xét xử của Tòa án trong giải quyết tranh chấp và xét xử các vụ án hình sự về xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam chỉ mới được quan tâm trong khoảng 6 năm trở lại đây, thậm chí trong hệ thống đào tạo cử nhân Luật, môn học này còn khá mới mẻ. Do vậy, hầu như đa số các thẩm phán hiện nay của

chúng ta chưa được học về quyền sở hữu trí tuệ trong chương trình đại học, nếu học thì chỉ là rất ít mang tính chất giới thiệu. Do đó, đội ngũ thẩm phán chưa thật sự nắm chắc các kiến thức và hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng. Vậy nên, đó là một vấn đề quan trọng cần phải kiến nghị nâng cao hiệu quả thực thi của bảo hộ QTG đối với tác phẩm văn học dân gian trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp cũng như xét xử các vụ án hình sự của Tòa án:

Thứ nhất, khuyến khích cán bộ thẩm phán nắm vững kiến thức về SHTT thông qua các lớp bồi dưỡng kiến thức sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước. Cần tăng cường tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị trao đổi những vấn đề giải quyết tranh chấp quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật nói riêng, xem như là một diễn đàn đề cán bộ, thẩm phán có dịp trao đổi kiến thức, nêu lên những bất cập, vướng mắc trong công tác giải quyết án.

Thứ hai, tính toàn cầu hóa nên việc trau dồi kiến thức về ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ, thẩm phán tòa án là cần thiết để cập nhật thông tin. Lĩnh vực về quyền sở hữu trí tuệ tương đối phức tạp và đa dạng, các tòa án nên có sự tuyển chọn và đào tạo số lượng thẩm phán nhất định chuyên về lĩnh vực này nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác xét xử.

Thứ ba, hiện nay số lượng các vụ án về quyền sở hữu trí tuệ đưa ra xét xử tại tòa án chưa nhiều nhưng có xu hướng gia tăng nên việc thành lập tòa án chuyên trách về quyền sở hữu trí tuệ là vấn đề cần làm ngay.

Thứ tư, trang bị cơ sở vật chất, nhất là hiện đại hóa thông tin tư liệu về sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu phục vụ cho việc xét nghiệm đơn, tránh trùng lặp trong cấp văn bằng bảo hộ. Thực tế cho thấy bất cập về thông tin của cơ quan thẩm định luôn dẫn đến việc bảo hộ không đúng đối tượng, Tòa án rất lúng túng khi giải quyết các tranh chấp.

3.2.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo hộ và bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian

Bảo hộ quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng không chỉ có Việt Nam mà mang tính toàn cầu, vì vậy phải đặt trong mối quan hệ hợp tác quốc tế chặt chẽ:

Thứ nhất, tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác của tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới, các tổ chức quốc tế liên quan, kinh nghiệm của các gia nhằm tiếp thu những kinh nghiệm về lập pháp, quản lý và thực thi quyền tác giả. Tăng cường tham gia ký kết các điều ước quốc tế về thực thi quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian đồng thời nghiêm chỉnh thực thi các điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Thứ hai, tích cực tham gia thực hiện các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến việc tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài về sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian.

Thứ ba, có chế độ tuyển chọn đội ngũ nhân lực thích hợp đang hoạt động từ tất cả các lĩnh vực từ cơ quan hành chính cho đến giáo dục và nhất là đội ngũ cán bộ tại cơ quan Tư pháp, Tòa án, Viện kiểm sát. Tăng cường đào tạo đội ngũ chuyên gia về sở hữu trí tuệ ở nước ngoài, đặc biệt là chuyên gia về QTG trong lĩnh vực văn học tại nước có nền văn học ra đời sớm và phát triển như các nước Châu Mỹ – La Tinh…

3.2.5. Thắt chặt cơ chế kiểm soát biên giới và mạng Internet trong lĩnh vực quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian

Những năm gần đây, trong bối cảnh phát triển kinh tế, giao lưu thương mại toàn cầu, các hoạt động vi phạm quyền SHTT vẫn diễn ra gay gắt trên thế giới dưới nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi. Trong hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) đó là việc xuất, nhập khẩu hàng giả, hàng vi phạm bản quyền,

hàng giả mạo xuất xứ... Vấn đề đặt ra là, các chủ SHTT phải quan tâm làm thế nào có thể ngăn chặn được các hành vi vi phạm này một cách có hiệu quả nhất, đỡ tốn kém nhất? Xét về nhiều phương diện, việc xử lý hàng hoá nhập khẩu có yếu tố xâm phạm quyền SHTT sẽ thu được hiệu quả nhất nếu tiến hành ngay khi hàng hoá đi qua biên giới, chưa đưa vào mạng lưới phân phối, lưu thông tại nội địa. Như vậy, để bảo đảm thực hiện được các cam kết quốc tế về bảo hộ SHTT, bảo hộ được một cách có hiệu quả nhất quyền lợi hợp pháp của các chủ sở hữu quyền SHTT, bên cạnh việc phải xây dựng một cơ sở pháp lý làm cơ sở cho sự can thiệp của các cơ quan có trách nhiệm, vấn đề xác định cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm chính trong đấu tranh chống vi phạm quyền SHTT thông qua công tác kiểm soát biên giới cũng đóng một vai trò quan trọng không kém.

Thứ nhất, các doanh nghiệp, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ cần chủ động hơn trong việc cung cấp thông tin về bản thân doanh nghiệp, hàng hóa, đồng thời chủ động phát hiện hành vi vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian của cá nhân, tổ chức để cơ quan Hải quan kịp thời ngăn chặn, xử lý.

Thứ hai, cần ban hành quy định về việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu các tác phẩm văn học nói chung và tác phẩm văn học nói riêng qua mạng Internet vì đây là nơi chủ yếu diễn ra các hoạt động trao đổi, mua bán tác phẩm văn học dễ dàng và nhanh gọn.

Do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, hệ thống pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian còn nhiều bất cập. Một số kiến nghị đưa ra trong chương này chưa thể hoàn thiện toàn bộ vấn đề còn tồn tại của pháp luật hiện nay về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Để bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian, theo chúng tôi, đó là sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý

của nhà nước, các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sưu tầm, sử dụng tác phẩm văn học dân gian và toàn xã hội, trong đó cơ quan nhà nước có trách nhiệm tạo môi trường pháp lý an toàn cho các bên khi tham gia vào quan hệ pháp luật bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian; Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm văn học dân gian phải tôn trọng và gìn giữ những thành quả mà ông cha ta đã sáng tạo nên trong bất kỳ mục đích gì như nghiên cứu khoa học, học tập, kinh doanh du lịch…; Yếu tố không thể thiếu để hình thành văn hóa bản quyền đó là sự quan tâm của xã hội trong việc tạo ra nếp sống, thói quen tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian nói riêng.

KẾT LUẬN

Có thể nói, tác phẩm văn học dân gian là những lát cắt sinh động, mang hơi thở của thời đại và có những giá trị to lớn, mang đậm đà bản sắc dân tộc, hướng con người đến Chân - Thiện - Mĩ. Vì vậy, bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian là rất cần thiết. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, các vấn đề về cơ sở lý luận, chế độ pháp lý và thực tiễn áp dụng cũng như kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật đã lần lượt được nêu lên dưới góc độ nhận thức của cá nhân tác giả trên cơ sở tham khảo một số quan điểm chung hiện nay về vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Những đặc thù riêng của tác phẩm văn học dân gian và bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian tạo nên sự khác biệt so với những đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ. Hệ thống văn bản pháp luật quốc tế và hệ thống pháp luật quốc gia tạo cơ sở pháp lý cho chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình trong phạm vi các quan hệ pháp luật trong nước và quốc tế. Dựa trên cơ sở lý luận đó, những vấn đề pháp lý về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian lần lượt được đề cập trong nội dung cơ bản của bảo hộ QTG đối với tác phẩm VHDG theo pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng những nội dung kể từ khi Luật Sở hữu trí tuệ 2005 được ban hành. Từ đó, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý và các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Đồng thời có thể rút ra một kết luận rằng vấn đề cân bằng lợi ích của chủ sở hữu và người sử dụng tác phẩm văn học dân gian là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả cho việc bảo hộ tác phẩm văn học dân gian. Nghĩa là pháp luật phải có quy định làm giao thoa lợi ích của chủ sở hữu và người sử dụng, phải tìm ra một cơ chế bảo hộ thích hợp để khuyến khích cộng đồng làng xã lưu giữ và bảo tồn những giá trị truyền thống của dân tộc. Mặt khác, tạo điều kiện cho người sử dụng được tiếp cận

với tác phẩm văn học dân gian, khai thác một cách hợp pháp và có hiệu quả, góp phần vào sự phát triển văn hóa, khoa học của đất nước.

Với những nội dung trên, hi vọng đề tài "**Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian theo pháp luật Việt Nam**" sẽ đóng góp một phần ý tưởng cho công cuộc bảo hộ tinh hoa văn hóa của dân tộc.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo hộ văn học dân gian: cứ xin phép từng làng là được, (2005), *http://www.vietbao.vn*, ngày 05/12.
2. Bảo hộ di sản văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam, (2006), *http://www.cov.gov.vn*, ngày 4/01.
3. Bộ Công thương (2008), *Thông tư số 12/2008/TT-BCT ngày 22/10 về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục tiếp nhận, quản lý, giải quyết đơn yêu cầu xử lý các vụ việc vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ của cơ quan Quản lý thị trường*, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 29/2009/TT-BTC ngày 10/02 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan,* Hà Nội.
5. Bộ Văn hóa – Thông tin – Bộ Tài chính (2003), *Thông tư liên tịch số 58/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 17/10 về việc hướng dẫn bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
6. Bộ Văn hóa – Thông tin – Bộ Tài chính (2003), *Thông tư liên tịch số 58/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 01/7 về việc hướng dẫn chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút đối với một số loại hình tác phẩm quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ,* Hà Nội.
7. Chính phủ (2006), *Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06/6 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa - thông tin*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2006), *Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2009), *Nghị định số 47/2009/NĐ-CP ngày 13/5 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan*, Hà Nội.

10. Chính phủ (2011), *Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9 sửa đổi, bổ sung Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan*, Hà Nội.
11. Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam và Viện sở hữu trí tuệ Liên bang Thụy Sĩ (2002), *Các điều ước Quốc tế về sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập*, NXB Bản đồ, Hà Nội.
12. Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên (1994), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
13. Đoàn Đức Lương (2011), *Giáo trình pháp luật Sở hữu trí tuệ*, NXB Đại học Huế.
14. "Làn sóng văn hóa Hàn Quốc tấn công giới trẻ", (2012), *http://www.baodongnai.com.vn*, ngày 09/8.
15. Lê Nết (2006), *Quyền sở hữu trí tuệ*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
16. Michael Blakeney, Tài liệu giảng dạy về Sở hữu trí tuệ,http://www.ecap-project.org/archive/fileadmin/ecapII/pdf/en/activities/national/Vietnam.
17. Nguyễn Khắc Đàm –Nguyễn Nguyễn Trọng Hoàn (2006), *Giới thiệu giáo án Ngữ văn 10, tập 1*, NXB Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Quế Anh (2004), *Pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Bài viết trong kỷ yếu hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ 2, tại thành phố Hồ Chí Minh.
19. "Nhìn nhận đúng về vi phạm bản quyền tại Việt Nam" (2010), *http://www.cinet.gov.vn*, ngày 9/11.
20. "*PGS Chu Xuân Diên: Văn học dân gian không có bản chính thức duy nhất*", (2012), http://beta.tinmoi.vn, ngày 13/01
21. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.

22. Quố hội (1995), *Bộ Luật Dân sự*, Hà Nội.
23. Quố hội (2001), *Hiến pháp* (sửa đổi, bổ sung), Hà Nội.
24. Quốc hội (2001), *LuậtDi sản văn hóa*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2004), *Luật Xuất bản*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2005), *Luật Sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2009), *LuậtDi sản văn hóa(*sửa đổi, bổ sung), Hà Nội.
29. Quốc hội (2009), *Luật Sở hữu trí tuệ* (sửa đổi, bổ sung), Hà Nội.
30. "Tác động hai mặt của nền kinh tế thị trường và toàn cầu hóa đối với xây dụng đời sông văn hóa", (2010), *http://tuyengiao.vn*, ngày 31/3.
31. Tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ ở Việt Nam (2012), http://thongtinphapluat.vn/vi/news/Phap-luat-dan-su/, ngày 16/4.
32. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tư pháp (2008), *Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ,* NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Truyện chế "Độc dược" giết giới trẻ", (2011), *http://www.baomoi.com,* ngày 10/7.
35. "Vấn đề trả tác quyền khi sử dụng tác phẩm văn hóa dân gian", (2012), *http://www.kenfoxlaw.com.vn/tongquan/194-sc/1534-van-hoa.html,*ngày14/7